UBND TỈNH TRÀ VINH **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3652/QĐ-ĐHTV	*Trà Vinh, ngày 01 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
V/v liên kết đào tạo trình độ đại học
với Trường Cao đẳng Đồng Khởi

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Căn cứ Quyết định số 141/2006/QĐ-TTg ngày 19/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 2202/QĐ-ĐHTV ngày 05/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh về việc ban hành Quy định về liên kết đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản xác nhận điều kiện đảm bảo chất lượng của Trường Cao đẳng Đồng Khởi ngày 17/5/2021;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Phát triển nguồn lực.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện liên kết đào tạo trình độ đại học giữa Trường Đại học Trà Vinh với Trường Cao đẳng Đồng Khởi.

Ngành đào tạo: Luật, Kế toán, Thú y, Quản trị văn phòng, Ngôn ngữ Anh, Công nghệ thông tin.

Điều 2. Giao Viện Phát triển nguồn lực chịu trách nhiệm phối hợp với Trường Cao đẳng Đồng Khởi và các đơn vị có liên quan tổ chức hoạt động liên kết đào tạo theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các Phòng, Khoa, Viện, Trung tâm, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: - Ban Giám hiệu; - Trường CĐ Đồng Khởi; - Như điều 3; - Lưu: VT, VPTNL	**KT. HIỆU TRƯỞNG** **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH **TS. Nguyễn Minh Hòa**

UBND TỈNH TRÀ VINH **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1020 /ĐHTV – VPTNL	*Trà Vinh, ngày 01 tháng 7 năm 2021*
V/v báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với Trường Cao đẳng Đồng Khởi	

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre

Trường Đại học Trà Vinh là trường đại học công lập, được thành lập theo Quyết định số 141/2006/QĐ-TTg ngày 19/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Quyết định số 486/QĐ-TTg ngày 13/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Trường Đại học Trà Vinh hoạt động theo hướng đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khu vực và cả nước. Đặc biệt trường được phép tuyển sinh trên toàn quốc với các trình độ và loại hình đào tạo khác nhau như: tiến sĩ; thạc sĩ; đại học (chính quy, liên thông, vừa làm vừa học, từ xa).

Thực hiện Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, theo đó các bên tham gia liên kết đào tạo phải đảm bảo các điều kiện và tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh.

Trên cơ sở đề nghị liên kết đào tạo trình độ đại học năm 2021 của Trường Cao đẳng Đồng Khởi và năng lực đào tạo của Trường Đại học Trà Vinh; sau khi khảo sát, bàn bạc và thống nhất về các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường Đại học Trà Vinh tiến hành liên kết đào tạo đại học, liên thông trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học năm 2021 với Trường Cao đẳng Đồng Khởi các ngành: Luật, Kế toán, Thú y, Quản trị văn phòng, Ngôn ngữ Anh, Công nghệ thông tin.

Trường Đại học Trà Vinh kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre được biết, rất mong Quý lãnh đạo quan tâm và tạo điều kiện giúp chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: - Như trên; - BGH Trường; - Trường CĐ Đồng Khởi; - Lưu: VT, VPTNL.	KT. **HIỆU TRƯỞNG** **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH **TS. Nguyễn Minh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1419/UBND-KGVX V/v liên kết đào tạo của Trường Đại học Trà Vinh tại tỉnh Bến Tre	*Bến Tre, ngày23 tháng 3 năm 2021*

Kính gửi: Trường Đại học Trà Vinh

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 305/ĐHTV-VPTNL ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Trường Đại học Trà Vinh về việc phối hợp đào tạo nguồn nhân lực tại tỉnh Bến Tre năm học 2021-2022. Qua xem xét nội dung đề xuất của Trường Đại học Trà Vinh và ý kiến của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 500/TTr-SGD&ĐT ngày 17/3/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý cho Trường Đại học Trà Vinh phối hợp, liên kết với Trường Cao đẳng Đồng Khởi tuyển sinh, bổ sung kiến thức ôn thi đầu vào trình độ thạc sỹ và liên kết đào tạo trình độ đại học, cụ thể như sau:

- Phối hợp tuyển sinh, bổ sung kiến thức ôn thi đầu vào trình độ thạc sỹ các ngành: Luật Hiến pháp và luật hành chính, Kế toán, Quản lý giáo dục (mỗi ngành 30 chỉ tiêu).

- Phối hợp tuyển sinh, liên kết đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học các ngành: Luật, Kế toán, Thú y, Quản trị văn phòng (mỗi ngành 60 chỉ tiêu); ngành Ngôn ngữ Anh (30 chỉ tiêu).

- Thời gian thực hiện: năm học 2021-2022.

- Địa điểm mở lớp: tại Trường Cao đẳng Đồng Khởi.

2. Đề nghị Trường Đại học Trà Vinh tổ chức các lớp học theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến để Trường Đại học Trà Vinh biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Sở GD&ĐT;
- Trường Cao đẳng Đồng Khởi;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bé Mười

UBND TỈNH TRÀ VINH **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Số: 780 /QĐ-ĐHTV	*Trà Vinh, ngày 11 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
V/v liên kết đào tạo trình độ đại học
với Trường Cao đẳng Đồng Khởi

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Căn cứ Quyết định số 141/2006/QĐ-TTg ngày 19/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 2202/QĐ-ĐHTV ngày 05/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh về việc ban hành Quy định về liên kết đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản xác nhận điều kiện đảm bảo chất lượng của Trường Cao đẳng Đồng Khởi ngày 17/05/2021;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Phát triển nguồn lực.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện liên kết đào tạo trình độ đại học giữa Trường Đại học Trà Vinh với Trường Cao đẳng Đồng Khởi.

Ngành đào tạo: Luật, Kế toán, Thú y, Quản trị văn phòng.

Điều 2. Giao Viện Phát triển nguồn lực chịu trách nhiệm phối hợp với Trường Cao đẳng Đồng Khởi và các đơn vị có liên quan tổ chức hoạt động liên kết đào tạo theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các Phòng, Khoa, Viện, Trung tâm, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Nguyễn Minh Hòa

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Trường CĐ Đồng Khởi;
- Website TVU;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, VPTNL.

UBND TỈNH TRÀ VINH **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 257 /ĐHTV – VPTNL	*Trà Vinh, ngày 11 tháng 02 năm 2022*
V/v báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với Trường Cao đẳng Đồng Khởi năm 2022	

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre

Trường Đại học Trà Vinh là cơ sở giáo dục đại học công lập, được thành lập theo Quyết định số 141/2006/QĐ-TTg ngày 19/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động với phương châm "*mang đến cơ hội học tập chất lượng cho cộng đồng*". Thời gian qua, Nhà trường được sự chấp thuận của các Sở ngành, lãnh đạo tỉnh Bến Tre việc phối hợp với Trường Cao đẳng Đồng Khởi đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cộng đồng, chúng tôi trân trọng ghi nhận và chân thành cảm ơn sự quan tâm, ủng hộ của Quý lãnh đạo đối với Trường Đại học Trà Vinh.

Căn cứ quy định về việc liên kết đào tạo trình độ đại học theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; theo đó các bên tham gia liên kết đào tạo phải đảm bảo các điều kiện và tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh.

Trên cơ sở đề nghị liên kết đào tạo trình độ đại học năm 2022 của Trường Cao đẳng Đồng Khởi và năng lực đào tạo của Trường Đại học Trà Vinh; sau khi khảo sát, bàn bạc và thống nhất về các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường Đại học Trà Vinh tiến hành liên kết đào tạo đại học, liên thông trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học năm 2022 với Trường Cao đẳng Đồng Khởi các ngành: Luật, Kế toán, Thú y, Quản trị văn phòng.

Trường Đại học Trà Vinh kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, rất mong Quý lãnh đạo quan tâm chấp thuận và tạo điều kiện giúp chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: - Như trên; - BGH Trường; - Trường CĐ Đồng Khởi; - Lưu: VT, VPTNL.	**KT. HIỆU TRƯỞNG** **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH **Nguyễn Minh Hòa**

Phụ lục 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐỒNG KHỞI

1. Thời gian và địa điểm

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 17/05/2021, tại Trường Cao đẳng Đồng Khởi

2. Thành phần tham dự

2.1. Đại diện Trường Đại học Trà Vinh

- Ông Nguyễn Văn Nguyện Chức vụ: Viện trưởng Viện PTNL, ĐHTV
- Ông Thái Thanh Lâm Chức vụ: Chuyên viên Viện PTNL, ĐHTV

2.2. Đại diện Trường Cao đẳng Đồng Khởi

- Bà Ngô Kim Phượng Chức vụ: Hiệu trưởng
- Bà Huỳnh Thị Thuỳ Trang Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông Ngô Minh An Chức vụ: Trưởng phòng TC, HC&QT
- Ông Nguyễn Trung Dũng Chức vụ: Trưởng phòng Đào tạo.

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ liên kết đào tạo

a. Môi trường sư phạm

- Tổng diện tích khuôn viên: 65.383.000m2

- Diện tích xây dựng hơn 4500m2, gồm 2 cơ sở (Có hàng rào, sân trường, cây xanh, bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh, phù hợp cảnh quan. Môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện), nhà ăn 200m2 và khu tập thể gồm 43 phòng phục vụ cho học viên ở xa.

b. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo

- Phòng học, phòng thực hành và các loại máy móc thiết bị hiện có

Tt	Tên loại	Số lượng/ diện tích	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Phòng học lý thuyết diện tích 56 m2/phòng	8	phòng	
2	Phòng học lý thuyết diện tích 85 m2/phòng	6	phòng	
3	Hội trường 120 m2	3	HT	

4	Phòng vi tính 30 máy, 75m2/phòng	3	phòng	

- Cơ sở thực hành, thực tập (Đơn vị tính là: xưởng, vườn, trạm, trại, sân bãi,..)

Tt	Tên loại	Số lượng/ diện tích	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Xưởng thực hành ô tô loại 120m2	3	Xưởng	
2	Xưởng thực hành Điện – Điện lạnh loại 85m2	6	Xưởng	
3	Xưởng may thời trang loại 120m2	2	Xưởng	
4	Xưởng thực hành cơ khí loại 160m2	3	Xưởng	
5	Sân tập lái xe ô tô hơn 3ha	1	Sân	

- Thư viện và học liệu (giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, phần mềm máy tính,..). Diện tích 96 m2.

- Phòng nghỉ giảng viên: 05 phòng (mỗi phòng 48m2)

3.2. Đội ngũ giảng viên giảng dạy, cán bộ tham gia quản lý liên kết đào tạo

a. Cán bộ tham gia quản lý:

Tt	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ/ Chức danh	Công việc quản lý	Đơn vị phòng/ khoa…
1	Huỳnh Thị Thuỳ Trang	ThS Triết học	Phó HT	Quản lý chung mảng liên kết	
2	Nguyễn Trung Dũng	ThS Kinh tế	Trưởng phòng	Liên kết các trường ĐH	Đào tạo
3	Nguyễn Đăng Khoa	KS CNTT	CV	Quản lý trực tiếp các lớp liên kết	Đào tạo
4	Võ Phước Vân	ThS Kinh tế	GĐ	Khảo thí	TT KT&

					KĐCLGDN
5	Có 09 CB, GV làm công tác chủ nhiệm				BGH và phòng ĐT

b. Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy:

Tt	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Môn giảng dạy (dự kiến)	Ngành giảng dạy
1	Nguyễn Trung Dũng	ThS Kinh tế	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	Luật, Kinh tế
2	Huỳnh Thị Thùy Trang	ThS Triết học	Triết học Mác – Lê nin	Luật, Kinh tế
3	Bùi Thanh Sang	ThS Khoa học máy tính	Nhập môn tin học	CNTT

3.3. Việc đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục

[X] Đã có báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục

[ ] Đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục

4. Kết luận

Từ thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng nêu trên, tổ công tác Trường Đại học Trà Vinh sẽ báo cáo Hiệu trưởng xem xét quyết định việc liên kết đào tạo trình độ đại học các ngành Luật, Kế toán, Thú y, Quản trị văn phòng, Ngôn ngữ Anh, Công nghệ thông tin theo đề nghị của Trường Cao đẳng Đồng Khởi.

Buổi làm việc kết thúc vào lúc 10 giờ 00 phút cùng ngày./.

ĐẠI DIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH	ĐẠI DIỆN TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐỒNG KHỞI *(Ký tên và đóng dấu)*
Nguyễn Văn Nguyện	Thạc Sĩ. Ngô Kim Phượng

Phụ lục 1

UBND TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THAM GIA GIẢNG DẠY KHOÁ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

Ngành/chuyên ngành: Luật

Thời gian đào tạo: tốt nghiệp trung cấp, đại học học 2,5 – 3 năm

Cơ sở phối hợp đào tạo: Trường Cao đẳng Đồng Khởi

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Môn giảng dạy (dự kiến)
1.	Bùi Quang Nhơn	Tiến sĩ Luật	Phương pháp nghiên cứu khoa học Luật Luật Thương mại 1 Luật Thương mại 2
2.	Nguyễn Anh Tuấn	Tiến sĩ Luật	Luật Dân sự 1 Luật Sở hữu trí tuệ
3.	Nguyễn Thị Kim Vinh	Tiến sĩ Luật học	Luật Tố tụng Hình sự 1 Luật Tố tụng Hình sự 2
4.	Nguyễn Thị Láng	Tiến sĩ Luật	Luật Đầu tư Luật Thương mại 1 Luật Thương mại 2
5.	Nguyễn Thị Việt Hà	Tiến sĩ Luật	Luật Hình sự 1 Luật Hình sự 2 Tội phạm học
6.	Huỳnh Thị Trúc Linh	Thạc sĩ Luật	Luật Thương mại 1 Luật Thương mại 2 Luật Lao động
7.	Diệp Huyền Thảo	Tiến sĩ Luật	Luật Dân sự 1 Luật Dân sự 2 Luật Tố tụng Dân sự 1
8.	Trần Thị Ngọc Hiếu	Tiến sĩ Luật	Luật Hình sự 1 Luật Hình sự 2 Luật Tố tụng Hình sự 1
9.	Đỗ Thị Mai Thư	Thạc sĩ	Phương pháp nghiên cứu khoa học Luật Luật Hành chính
10.	Trần Thị Thanh Huyền	Thạc sĩ Luật Kinh tế	Luật Ngân hàng Pháp luật về tài chính Pháp luật về chứng khoán

11.	Phan Minh Giới	Thạc sĩ Luật kinh tế	Luật Thương mại 1 Luật Thương mại 2 Luật canh tranh
12.	Ngô Thị Phương Thảo	Thạc sĩ Luật Kinh tế	Lịch sử Nhà nước pháp luật Việt Nam Kỹ thuật xây dựng văn bản pháp luật
13.	Dương Thị Mỹ Ngọc	Thạc sĩ Luật Quốc tế	Tội phạm học Luật sở hữu trí tuệ Luật hành chính đô thị
14.	Dương Phan Thùy Dung	Thạc sĩ Luật Hình sự	Luật Hình sự 1 Luật Hình sự 2 Luật Tố tụng Hình sự 1
15.	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Thạc sĩ Luật Kinh tế	Công pháp quốc tế Luật Thương mại quốc tế
16.	Nguyễn Huy Hoàng	Thạc sĩ Luật Dân sự	Luật Hôn nhân và Gia đình Luật Hiến pháp Lý luận NN và pháp luật
17.	Nguyễn Thị Anh Thư	Thạc sĩ Luật Dân sự	Tư pháp quốc tế Luật Dân sự 1 Luật Dân sự 2
18.	Nguyễn Thái Mỹ Anh	Thạc sĩ Quản lý	Kỹ năng tiếp cận và phát triển nghề nghiệp
19.	Lê Thúy Hằng	TS. Triết học	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac – Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học
20.	Nguyễn Quang Hùng	ThS. Chính trị học	Tư tưởng Hồ Chí Minh
21.	Trần Mộng Đầy	ThS. Triết học	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Trà Vinh, ngày 28 tháng 6 năm 2021

Người lập biểu

Đoàn Thị Mỹ Hạnh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

TS. Nguyễn Minh Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐỒNG KHỞI

		Trang
	CÁC TỪ VIẾT TẮT	**2**
PHẦN I.	**GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐỒNG KHỞI**	**2**
1	**Thông tin chung**	2
2	**Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường**	3
3	**Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường**	4
4	**Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường**	6
5	**Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính**	8
PHẦN II.	**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG**	**9**
1	**Đặt vấn đề**	9
2	**Tổng quan chung**	9
2.1	***Căn cứ tự đánh giá***	*9*
2.2	***Mục đích tự đánh giá***	*10*
2.3	***Yêu cầu tự đánh giá***	*10*
2.4	***Phương pháp tự đánh giá***	*10*
2.5	***Các bước tiến hành tự đánh giá***	*10*
3	**Tự đánh giá**	10
3.1	***Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng***	*11*
3.2	***Báo cáo đánh giá chi tiết tiêu chí***	*21*
3.2.1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	21
3.2.2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	27
3.2.3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	37
3.2.4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	43
3.2.5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	49
3.2.6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	56
3.2.7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	59
3.2.8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	61
3.2.9	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng.	66
PHẦN III.	**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NHÀ TRƯỜNG**	**70**
PHẦN IV.	**ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**	**71**

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng (hoặc Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng)
2. Kế hoạch tự đánh giá
3. Bảng mã minh chứng[3]

CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	NỘI DUNG
01	CĐĐK	Cao đẳng Đồng Khởi
02	LĐLĐ	Liên đoàn Lao động
03	UBND	Ủy ban Nhân dân
04	LĐTBXH	Lao động-Thương binh và Xã hội
05	CBNV	Cán bộ nhân viên
06	TCGDNN	Tổng cục giáo dục nghề nghiệp
07	ĐUV	Đảng ủy viên
08	NCUD&CGKHCN	Nghiên cứu ứng dụng và Chuyển giao khoa học công nghệ
09	HS-SV	Học sinh-sinh viên
10	TC, HC-QT	Tổ chức, Hành chính & Quản trị
11	KT&KĐCLGDN	Khảo thí & Kiểm định chất lượng giáo dục nghề
12	ĐT&SHLX	Đào tạo & Sát hạch lái xe
13	TS,GTVL&QHDN	Tuyển sinh, giới thiệc việc làm & Quan hệ doanh nghiệp
14	ĐHKK	Điều hòa không khí
15	ĐGCLGDNN	Đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp
16	TCDN	Tổng cục Dạy nghề
17	CĐCS	Công đoàn cơ sở

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐỒNG KHỞI

1. Thông tin chung

1.1. Tên trường: **Trường Cao đẳng Đồng Khởi**

1.2. Tên tiếng Anh: **Dong khoi college**

1.3. Cơ quan chủ quản: **Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam**

1.4. Địa chỉ trường:

- Trụ sở chính: Số 17A4 - Quốc lộ 60 - khu phố 1 - phường Phú Tân - thành phố Bến Tre - tỉnh Bến Tre.
- Cơ sở 2: Ấp 1 - xã Lương Hòa - huyện Giồng Trôm - tỉnh Bến Tre

1.5. Số điện thoại: 02753 822194 - 02753 834405 – 02753 644217

1.6. Số Fax: 0753 826938

1.7. Email: cdndongkhoibt@gmail.com

1.8. Website: cdndongkhoi.edu.vn

1.9. Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: Tháng 7 năm 1993 - Trung tâm xúc tiến việc làm
- Năm thành lập trường Cao đẳng nghề: 2008
- Năm đổi tên trường cao đẳng: 2017

1.10. Loại hình trường: Công lập ☐; Tư thục ☐

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường

Trường Cao đẳng Đồng Khởi (CĐĐK) tiền thân là Trung tâm xúc tiến việc làm trực thuộc Liên đoàn Lao động (LĐLĐ) tỉnh Bến Tre được thành lập theo Quyết định số: 698/QĐ-UB ngày 05/7/1993 của Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Bến Tre.

Ngày 13/02/1998 Tổng LĐLĐ Việt Nam ra quyết định thành lập Trung tâm dịch vụ việc làm công đoàn Bến Tre; ngày 17/3/2005 nâng cấp lên thành Trường dạy nghề số 4; ngày 07/11/2006 chuyển đổi thành trường Trung cấp nghề Đồng Khởi; ngày 18/7/2008 phát triển thành trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi và ngày 20/6/2017 đổi tên là trường CĐĐK.

Trường CĐĐK là cơ sở dạy nghề thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập theo quy định của pháp luật và hoạt động theo Điều lệ của trường. Trường là đơn vị sự nghiệp, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Trường chịu sự quản lý chung của Tổng LĐLĐ Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH); chịu sự quản lý nhà nước của UBND tỉnh Bến Tre; chịu sự quản lý của LĐLĐ tỉnh Bến Tre theo quy định của Tổng Liên đoàn.

Trường có chức năng đào tạo nghề ở 03 cấp trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp; ngoài ra nhà trường còn tổ chức đào tạo hệ thường xuyên, sát hạch tay nghề, liên kết với các trường Đại học để đào tạo liên thông đại học với trên 30 ngành nghề phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực tỉnh Bến Tre và một số tỉnh lân cận.

Mục tiêu của trường là xây dựng và phát triển nhà trường trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp đứng đầu trong tổ chức công đoàn cả nước về quy mô và chất lượng đào tạo, đặc biệt là các ngành trọng điểm cấp khu vực Asean và quốc tế, xứng đáng là địa chỉ đào tạo nghề có uy tín và chất lượng của tỉnh nhà.

Năm học 2017-2018, tổng số cán bộ nhân viên (CBNV) của trường là 147 với 14 phòng, khoa, trung tâm và 01 trung tâm kiêm nhiệm. Trong đó: Giáo viên cơ hữu: 98; CBNV các phòng ban: 49. Trường có 31 Thạc sĩ (trong đó 01 nghiên cứu sinh), 75 đại học (trong đó 02 đang học sau đại học), 19 cao đẳng (trong đó 02 đang học đại học), 13 trung cấp và trình độ khác. Năm học này, Trường có 01 sinh viên được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH, được Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre ra quyết định khen thưởng thành tích đạt giải nhất Huy chương vàng nghề Quản trị hệ thống mạng Công nghệ thông tin tại kỳ thi tay nghề quốc gia lần thứ X năm 2018 và đạt giải khuyến khích kỳ thi tay nghề ASEAN lần thứ 12 tại Bangkok; 01 sinh viên đạt giải khuyến khích được tặng Giấy khen của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (TCGDNN) nghề thiết kế kỹ thuật Cơ khí cắt gọt kim loại cũng tại kỳ thi tay nghề quốc gia này.

Năm học 2018-2019, tổng số CBNV của trường là 147 với 14 phòng, khoa, trung tâm và 01 trung tâm kiêm nhiệm. Trong đó: Giáo viên cơ hữu: 109; CBNV các phòng ban: 36. Trường có 29 Thạc sĩ (trong đó có 01 nghiên cứu sinh), 75 đại học (trong đó có 04 đang học sau đại học, 02 đang học đại học), 20 cao đẳng, 12 trung cấp và trình độ khác. Năm học này, Trường có 04 ngành/nghề dự thi đạt giải nhất (Điện công nghiệp), 01 giải ba (Quản trị mạng máy tính) và 02 giải khuyến khích (May+ Cắt gọt kim loại) Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp tỉnh; 02 ngành/nghề đạt giải ba (Điện công nghiệp, Quản trị mạng máy tính), 01 khuyến khích (May) và giải nhất toàn đoàn Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp toàn quốc; 01 học sinh lớp Trung cấp Điều hòa không khí K11VH đạt 02 huy chương, 01 huy chương vàng với nội dung "*Song luyện mã tấu*", 01 huy chương bạc với nội dung *"Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp"*; 01 sinh viên lớp Cao đẳng Điện tử công nghiệp đạt 02 huy chương, 01 huy chương vàng với

nội dung "*Song luyện mã tấu*", 01 huy chương đồng với nội dung *"Long hổ quyền nam"* giải Vovinam sinh viên toàn quốc lần thứ 2 năm 2019 Thừa Thiên–Huế.

Năm học 2019-2020, tổng số CBNV của trường là 144 với 14 phòng, khoa, trung tâm và 01 trung tâm kiêm nhiệm với 99 giáo viên cơ hữu, 45 CBNV các phòng, trung tâm. Trường có 28 Thạc sĩ, 77 đại học (06 đang học sau đại học), 20 cao đẳng (02 đang học đại học), 08 trung cấp và 11 trình độ khác. Năm học này, Trường đón nhận Bằng khen của Bộ Công an do Công an tỉnh trao tặng với thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2019; 01 sinh viên ngành/nghề Cơ khí tham gia dự thi tay nghề Quốc gia tổ chức tại Hà Nội được giấy khen của Tổng cục trưởng TCGDNN về đạt chứng chỉ nghề xuất sắc.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

3.1. Cơ cấu tổ chức nhà trường

Cơ cấu tổ chức của trường gồm:

- Hội đồng trường;
- Đảng bộ;
- Ban Giám hiệu;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Các Hội đồng tư vấn;
- Các phòng, trung tâm chức năng và các khoa chuyên môn

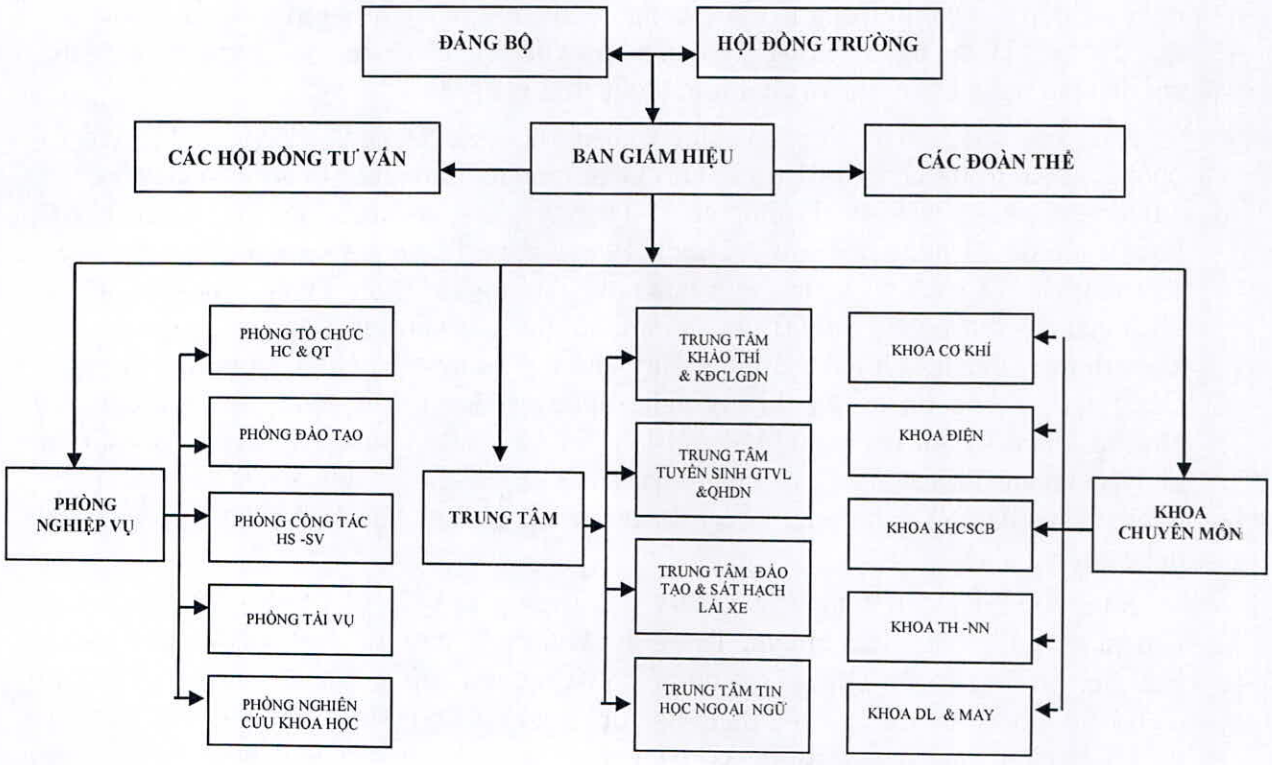

3.2. Cơ cấu nhân sự nhà trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Hội đồng trường	13 thành viên			

Đảng bộ	Ngô Kim Phượng	1966	Thạc sỹ	Bí thư Đảng ủy
	Huỳnh Thị Thùy Trang	1977		Phó Bí thư Đảng ủy
	Ngô Quốc Phong	1977	Thạc sỹ	Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy
	Mai Văn Thành	1971	Thạc sỹ	Đảng ủy viên (ĐUV) - Bí thư chi bộ 3
	Trịnh Văn Vân	1976	Thạc sỹ	ĐUV - Bí thư chi bộ 7
	Nguyễn T Ngọc Duyên	1979		ĐUV - Bí thư chi bộ 8
	Bùi Thanh Sang	1982	Thạc sỹ	ĐUV - Bí thư chi bộ 2
	Nguyễn Đức Hòa	1982		ĐUV
	Dương Hoàng Cường	1983	Thạc sỹ	ĐUV - Bí thư chi bộ 9
	Nguyễn Thị Chuyện	1983		ĐUV - Bí thư chi bộ 4
	Dương Minh Đức	1984	Thạc sỹ	ĐUV - Bí thư chi bộ 1
Ban Giám hiệu	Ngô Kim Phượng		Thạc sỹ	Hiệu Trưởng
	Ngô Quốc Phong	1977	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
	Huỳnh Thị Thùy Trang	1977		Phó Hiệu trưởng
Các tổ chức đoàn thể	Ngô Quốc Phong	1977	Thạc sỹ	Chủ tịch công đoàn
	Nguyễn Đức Hòa	1982		Bí thư Đoàn Thanh niên
				Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam
	Nguyễn Anh Tuấn	1971		Chủ tịch Hội cựu chiến binh
Các phòng, trung tâm chức năng	Nguyễn Trung Dũng	1969	Thạc sỹ	Trưởng phòng Đào tạo
	Nguyễn Quang Dũng	1971		Trưởng phòng Nghiên cứu ứng dụng & Chuyển giao khoa học công nghệ (NCUD&CGKHCN)
	Nguyễn T Ngọc Duyên	1979		Trưởng phòng Công tác học sinh – sinh viên (HS-SV)
	Ngô Minh An	1982	Thạc sỹ	Trưởng phòng Tổ chức, Hành chính - Quản trị (TC, HC-QT)
	Nguyễn Thị Chuyện	1983		Trưởng phòng Tài vụ
	Võ Phước Vân	1968	Thạc sỹ	Giám đốc Trung tâm khảo thí & Kiểm định chất lượng giáo dục nghề (KT&KĐCLGDN)
	Bùi Thanh Sang	1982	Thạc sỹ	Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học kiêm Trưởng khoa Tin học – Ngoại ngữ
	Dương Hoàng Cường	1983	Thạc sỹ	Giám đốc Trung tâm đào tạo & Sát hạch lái xe (ĐT&SHLX)

	Dương Minh Đức	1984	Thạc sỹ	Giám đốc Trung tâm tuyển sinh, giới thiệu việc làm & Quan hệ doanh nghiệp (TS, GTVL & QHDN)
Các khoa chuyên môn	Mai Văn Thành	1971	Thạc sỹ	Trưởng khoa Điện
	Nguyễn Trung Sỹ	1973	Thạc sỹ	Trưởng khoa Khoa học cơ sở cơ bản
	Trịnh Văn Vân	1976	Thạc sỹ	Trưởng khoa Cơ khí
	Huỳnh Thanh Xuân	1982		Trưởng khoa Du lịch & May

3.3. Tổng số CBNV nhà trường (tính đến thời điểm đánh giá): 145

- Nam: 101 - Nữ: 44

3. 4. Đội ngũ giáo viên

- Nam: 107 - Nữ: 22
- Cơ hữu: 99 - Thỉnh giảng: 30

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	**Nam**	**Nữ**	**Tổng số**
Tiến sĩ			
Thạc sĩ	22	4	26
Đại học	31	16	47
Cao đẳng	19	0	19
Trung cấp	06		06
Công nhân bậc 5/7 trở lên			
Trình độ khác	01		01
Tổng số	**79**	**20**	**99**

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

4.1. Các ngành/nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được TCGDNN cấp

Số TT	**Tên ngành/ nghề đào tạo**	**Mã ngành/ nghề**	**Quy mô tuyển sinh/năm**	**Trình độ đào tạo**
1	Hướng dẫn du lịch	6810103	60	Cao đẳng
		5810103	50	Trung cấp
2	Kỹ thuật xây dựng	6580201	30	Cao đẳng
		5580201	30	Trung cấp
3	Kế toán doanh nghiệp	6340302	50	Cao đẳng
		5340302	65	Trung cấp
4	Quản trị mạng máy tính	6480209	40	Cao đẳng
		5480209	35	Trung cấp
5	Quản trị khách sạn	6810201	30	Cao đẳng
		5810201	30	Trung cấp
6	Cắt gọt kim loại	6520121	40	Cao đẳng

		5520121	50	Trung cấp
7	May thời trang	6540205	50	Cao đẳng
		5540205	30	Trung cấp
8	Lập trình máy tính	6480207	40	Cao đẳng
		5480207	35	Trung cấp
9	Điện công nghiệp	6520227	40	Cao đẳng
		5520227	40	Trung cấp
10	Điện tử công nghiệp	6520225	40	Cao đẳng
		5520225	40	Trung cấp
11	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (ĐHKK)	6520205	40	Cao đẳng
		5520205	50	Trung cấp
12	Công nghệ ô tô	6510216	50	Cao đẳng
		5510216	35	Trung cấp
13	Cơ khí, hàn, tiện, phay, bào		50	Sơ cấp
14	Kỹ thuật nề		10	
15	May công nghiệp		200	
16	Kỹ thuật phần cứng và mạng		10	
17	Hàn		20	
18	Uốn tóc		20	
19	Sửa chữa điện tử		10	
20	Điện cơ – điện dân dụng		20	
21	Sửa chữa xe gắn máy		20	Sơ cấp
22	Kỹ thuật sửa chữa điện lạnh		15	
23	Sửa chữa ôtô		15	
24	Sửa chữa máy nổ		25	
25	Nghiệp vụ lễ tân		30	
26	Nghiệp vụ nhà hàng		30	
27	Nghiệp vụ buồng, phòng		30	
28	Lái xe ôtô hạng B1, B2		600	
29	Lái xe ôtô hạng C		200	

4. 2. Số lượng học sinh, sinh viên (số liệu 3 năm trước năm kiểm định)

Trình độ đào tạo	**Năm**		
	2017	***2018***	***2019***
1. Cao đẳng	*194*	*423*	*423*
Nghề Cắt gọt kim loại	43	87	82
Nghề Công nghệ ô tô	39	86	91
Nghề Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	39	88	79
Nghề Điện công nghiệp	28	74	69
Nghề Điện tử công nghiệp	16	15	15
Nghề Quản trị mạng máy tính		11	

Trình độ đào tạo	Năm		
	2017	*2018*	*2019*
Nghề Lập trình máy tính			25
Nghề Quản trị khách sạn	19	25	31
Nghề May thời trang	10	37	31
2. Trung cấp	*490*	*535*	*559*
Nghề Cắt gọt kim loại	90	100	112
Nghề Công nghệ ô tô	74	147	146
Nghề Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	31	76	107
Nghề Điện công nghiệp	141	127	93
Nghề May thời trang	80	65	34
Nghề Quản trị mạng máy tính	74	10	45
Nghề Quản trị khách sạn		10	22
3. Sơ cấp	*1194*	*1172*	*1136*
Nghề Lái xe hạng B2	906	900	800
Nghề Lái xe hạng C	288	272	336
4. Liên kết đào tạo	*184*	*307*	*293*
Liên thông Trung cấp lên Đại học	66	229	176
Liên thông Cao đẳng lên Đại học	78	33	69
Vừa học vừa làm	40	34	08
Văn bằng 2		13	08
Cao học			32
5. Loại hình khác	*289*	*1803*	*1564*
Hệ thường xuyên	289	1803	1564
Tổng cộng	**1976**	**4240**	**3975**

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Diện tích đất:

Tổng diện tích đất: <66.139,6> m^2, trong đó:

+ Diện tích xây dựng: <9.996,44> m^2

+ Diện tích cây xanh, lưu không: <56.143,160> m^2

5.2. Diện tích hạng mục và công trình

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m2)	Đã xây dựng (m2)	Đang xây dựng	
				Diện tích (m^2)	*Thời gian hoàn thành*
1	*Khu hiệu bộ*	*1.000*	*1.000*		
2	*Phòng học lý thuyết*	*2.747*	*2.747*		
3	*Xưởng thực hành*	*1.721*	*1.721*		
4	*Khu phục vụ*	*4.055,74*	*4.055,74*		
4.1	Thư viện	102,5	102,5		

4.2	Ký túc xá	3.342	3.342		
4.3	Nhà ăn	365	365		
4.4	Phòng y tế	46,24	46.24		
4.5	Khu thể thao	200	200		
5	*Phân hiệu 2*	*838,2*	*472,7*		
6	*Khác*	*56.143.160*			
6.1	Sân bãi thực hành lái xe	33.176	33.176		
6.2	Đất trồng cây xanh	3.064	3.064		
6.3	Khác	19.537,66			
	Tổng	**66.139,6**			

5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của trường: 2090 quyển

Tổng đầu sách thuộc nghề đào tạo của trường: 1885

5.4. Tổng số máy tính của trường: 268

- Dùng cho văn phòng: 53
- Dùng cho HS-SV học tập: 215

5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2017: 23.138.000.000
- Năm 2018: 22.731.183.014
- Năm 2019: 24.842.682.964

5.6. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2017: 4.826.000.000
- Năm 2018: 5.678.741.000
- Năm 2019: 7.628.107.500

PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

1. Đặt vấn đề

Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp (ĐGCLGDNN) là đánh giá theo hệ thống, từ tổng thể đến chi tiết các mặt hoạt động của nhà trường, là công cụ quan trọng và là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của một trường. Chất lượng sẽ tạo nên thương hiệu, có thương hiệu sẽ thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp, phụ huynh, người học và xã hội.

Để đạt mục tiêu trong bối cảnh đào tạo nghề có nhiều cơ hội lẫn thách thức hiện nay, Trường luôn thực hiện tự đánh giá, cải tiến chất lượng định kỳ hàng năm thông qua công tác tự ĐGCLGDNN. Tự ĐGCLGDNN ngoài việc giúp nhà trường đánh giá được tổng thể các mặt hoạt động, còn giúp trường phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nhận biết thực trạng chất lượng hiện tại để xây dựng kế hoạch khắc phục, cải thiện, phấn đấu đưa trường ngày càng kiện toàn về mọi mặt, đáp ứng sứ mạng và mục tiêu phát triển nhà trường.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của TCGDNN hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng;

- Kế hoạch số 12/KH -TCĐĐK ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng trường CĐĐK về thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2020;

- Quyết định số 213/QĐ-TCĐĐK ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng trường CĐĐK về việc thành lập Hội đồng tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2020.

2.2. Mục đích tự đánh giá

ĐGCLGDNN nhằm đảm bảo đạt được những chuẩn mực nhất định và không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng các mặt hoạt động để đạt được mục tiêu.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Đảm bảo thực hiện theo kế hoạch tự kiểm định chất lược giáo dục nghề nghiệp năm 2020, đảm bảo tính chính xác, khách quan và trung thực; có dẫn chứng và minh chứng cụ thể cho từng tiêu chí, tiêu chuẩn.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

- Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lược giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của TCGDNN - Bộ LĐTBXH để thành lập Hội đồng và xây dựng kế hoạch tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2020;

- Phân chia nhóm cho các thành viên Hội đồng để thực hiện tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí; thu thập thông tin, minh chứng theo nội dung báo cáo và gửi cho Ban Thư ký;

- Phân chia các thành viên Ban Thư ký chịu trách nhiệm đôn đốc, theo dõi và nhận, kiểm tra, rà soát và hiệu chỉnh (nếu cần), thu thập thông tin bổ sung cho báo cáo trước khi gửi Thư ký Hội đồng tổng hợp;

- Viết dự thảo báo cáo kết quả tự ĐGCLGDNN, kiểm tra thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn thông qua Hội đồng tự kiểm định chất lược giáo dục nghề nghiệp đóng góp ý kiến;

- Điều chỉnh báo cáo và thông qua Hội đồng tự kiểm định kiểm duyệt thống nhất; hoàn thiện báo cáo kết quả tự ĐGCLGDNN của trường trình Hiệu trưởng phê duyệt.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá *(theo Kế hoạch)*

Bước 1: Công tác chuẩn bị

Bước 2: Thực hiện tự đánh giá của các phòng , khoa, trung tâm

Bước 3: Thực hiện công việc của Hội đồng tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của trường
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		*Đạt/Không đạt tiêu chuẩn kiểm định*
	Tổng điểm	**100**	***85***
1	***Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý***	***12***	***9***
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	0
	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định	1	0
	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của trường
	chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.		
	Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát	1	0
	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1
2	***Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo***	*17*	*15*
	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	0
	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của trường
	ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	0
	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả	1	1
3	***Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động***	***15***	***12***
	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng,	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của trường
	sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	0
	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	0
	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	0
	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn *(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)*	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của trường
	của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.		
	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
4	***Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình***	***15***	***13***
	Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của trường
	định.		
	Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	0
	Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	0
	Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	0
5	***Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện***	***15***	***12***
	Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của trường
	bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và cácyêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của trường
	hoặc nghề đó.		
	Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	0
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	0
	Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	0
6	***Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế***	***5***	***4***
	Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của trường
	lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.		
	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	0
	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường	1	1
7	***Tiêu chí 7: Quản lý tài chính***	*6*	*6*
	Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của trường
	hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.		
8	***Tiêu chí 8: Dịch vụ người học***	*9*	*9*
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1
9	***Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng***	*6*	*5*
	Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử	1	0

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của trường
	dụng lao động.		
	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1

3.2. Báo cáo đánh giá chi tiết tiêu chí

3.2.1. Tiêu chí 1. Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu

Trường được thành lập theo Quyết định số 937/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2008 của Bộ LĐTBXH và đổi tên thành trường CĐĐK theo Quyết định số 928/QĐ-BLĐTBXH ngày 20/6/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH trên cơ sở tiền thân là Trung tâm xúc tiến việc làm trực thuộc LĐLĐ tỉnh Bến Tre. Trường thuộc Tổng LĐLĐ Việt Nam và chịu sự phân cấp quản lý của LĐLĐ tỉnh Bến Tre, hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐĐK. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Trường đào tạo các hệ Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và thường xuyên; thực hiện tư vấn việc làm trong nước, cung ứng lao động đi hợp tác ngoài nước; tổ chức, quản lý quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo các quy định của Bộ LĐTBXH.

Trải qua 12 năm xây dựng và củng cố, đến nay Trường đã từng bước lớn mạnh và trưởng thành trên mọi mặt, tiếp tục khẳng định là cơ sở đào tạo có uy tín trong hệ thống Công đoàn Việt Nam.

** Những điểm mạnh*

Mục tiêu, sứ mạng trường được xác định rõ trong quy chế hoạt động của trường. phù hợp với mục tiêu giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với pháp luật.

Trường có Hội đồng trường để lãnh chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, có các Hội đồng tư vấn hoạt động đúng chức năng; có quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế làm việc của các phòng, khoa, trung tâm; quy định đánh giá thi đua hàng tháng,.... để thực hiện và đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường.

Cơ cấu tổ chức nhà trường được xây dựng và vận hành tương đối phù hợp, luôn tạo mối quan hệ hợp tác giữa các bộ phận.

* *Những tồn tại:*

Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn ở một số ít bộ phận chưa phân định rõ ràng, còn chồng chéo, nên một số việc thực hiện chưa đạt yêu cầu.

Trong từng năm vẫn còn khoa, trung tâm hiệu quả đạt chưa cao, chỉ ở mức hoàn thành nhiệm vụ; thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, một số phòng, khoa, trung tâm vẫn còn sai sót.

Trường chưa xây dựng quy định về công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động chung toàn trường để các phòng, khoa, trung tâm thực hiện.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Định rõ chức năng, trách nhiệm các phòng, khoa, trung tâm phù hợp hơn với nhiệm vụ chuyên môn được giao. Thực hiện xây dựng quy định về công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động chung toàn trường để các phòng, khoa, trung tâm cùng thực hiện. Thực hiện xây dựng sổ tay chất lượng và thiết lập hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng đưa vào thực hiện.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	***9***
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	0
Tiêu chuẩn 7	0
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	0
Tiêu chuẩn 12	1

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Mục tiêu sứ mạng và chức năng, nhiệm vụ của trường được xác định rõ trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường ***(1.1.01-Quy chế tổ chức và hoạt động trường***

CĐĐK ban hành kèm theo Quyết định số 221/QĐ-TCĐĐK ngày 07/6/2018 của Hiệu trưởng trường CĐĐK), được công bố công khai trên website trường CĐĐK ***(1.1.02-Trang website trường CĐĐK)***. Thể hiện vai trò trong tư vấn học nghề, trong tổ chức hoạt động dạy và học, trong tuyển dụng, quản lý và giới thiệu việc làm; được giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng, đạt 49,52% (52/105) ***(1.1.03-Hợp đồng đăng thông tin ở đài truyền thanh, truyền hình năm 2017 đến 2020; 1.1.04-Hợp đồng đặt báo Đồng Khởi năm 2017 đến 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương thông qua các kênh báo chí, truyền thông, Sở LĐTBXH, Ban quản lý các khu công nghiệp và kết quả HS-SV ra trường có việc làm để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo ***(1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 300/2017/GCNĐKHĐ-TCDN của Tổng cục Dạy nghề (TCDN); 1.2.02-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 99/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN của TCGDNN).*** Các ngành/nghề đào tạo của trường đa phần đều phù hợp với nhu cầu người học và nhu cầu của thị trường lao động, của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

Trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi được thành lập ngày 18/7/2008 ***(1.3.01-Quyết định số 937/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2008 của Bộ LĐTBXH về việc thành lập trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi)*** và được đổi tên là trường CĐĐK ***(1.3.02-Quyết định số 928/QĐ-LĐTBXH ngày 20/6/2017 của Bộ LĐTBXH về việc đổi tên trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi thành trường CĐĐK)***. Để tạo thuận lợi cho việc thực hiện mục tiêu nhiệm vụ, Trường có đầy đủ các phòng, khoa, trung tâm chức năng ***(1.3.03-Quyết định thành lập các phòng, khoa, trung tâm)***, có các văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của trường như Quy chế hoạt động của Hội đồng trường ***(1.3.04-Quy chế hoạt động của Hội đồng trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi nhiệm kỳ 2015-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 59/QĐ-LĐLĐ ngày 11/5/2016 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh Bến Tre)***; Quy chế làm việc của Ban Giám hiệu ***(1.3.05-Quy chế làm việc của Ban Giám hiệu ban hành kèm theo Quyết định số 358/QĐ-TCĐN ngày 14/9/2015 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi)***; Quy chế tổ chức và hoạt động của trường ***(1.1.01-Quy chế tổ chức và hoạt động của trường ban hành kèm theo quyết định số 221/QĐ-TCĐĐK ngày 07/6/2018 của Hiệu trưởng trường CĐĐK)***; Quy chế làm việc của các phòng, khoa, trung tâm ***(1.3.06-Quy chế làm việc của các phòng, khoa, trung tâm thuộc trường)***; Quy chế chi tiêu nội bộ ***(1.3.07-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017 đến 2020)***; Quy định đánh giá thi đua hàng tháng ***(1.3.08-Quy định về việc xét thi đua hàng tháng của cán bộ viên chức nhà trường năm 2017 đến 2020)***; Quy chế đào tạo ***(1.3.09-Quy chế đào tạo hệ Cao đẳng và Trung cấp theo phương thức tích lũy môn học, môđun hoặc tín chỉ ban hành theo Quyết định số 526/QĐ-TCĐĐK ngày 01/8/2017 của Hiệu trưởng trường CĐĐK)***; Quy chế kiểm tra kết thúc môn, thi, xét

công nhận tốt nghiệp ***(1.3.10-Quy chế kiểm tra kết thúc môn, thi, xét công nhận tốt nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 708/QĐ-TCĐDK ngày 01/11/2017 của Hiệu trưởng trường CĐDK)***; ....

Các quy chế chi tiêu nội bộ, quy định đánh giá thi đua hàng tháng, quy chế đào tạo, quy chế kiểm tra kết thúc môn, thi, xét công nhận tốt nghiệp trước khi ban hành đều được ý kiến đóng góp và sự đồng thuận của tập thể CBNV, giáo viên nhà trường. Qua khảo sát, có 53/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 50,47%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.

Khi mới thành lập trường Cao đẳng nghề, Trường đã xây dựng Điều lệ trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi ***(1.4.01-Điều lệ trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi).*** Trong quá trình thực hiện, một số quy chế, quy định được Trường rà soát, điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với tình hình thực tế tại trường trên cơ sở đóng góp của tập thể các phòng, khoa, trung tâm như quy chế chi tiêu nội bộ ***(1.3.07-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017 đến 2020)***, quy định đánh giá thi đua hàng tháng ***(1.3.08-Quy định về việc xét thi đua hàng tháng của cán bộ viên chức nhà trường năm 2017 đến 2020; 1.4.02-Biên bản đóng góp của các phòng khoa, trung tâm năm 2017 đến 2020; 1.4.03-Biên bản họp Ban giám hiệu, các Trưởng, phó phòng khoa, trung tâm năm 2017 đến 2020; 1.4.04-Biên bản Hội nghị cán bộ viên chức năm 2017 đến 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Các phòng, khoa, trung tâm thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của trường ***(1.1.01-Quy chế tổ chức và hoạt động trường CĐDK ban hành kèm theo Quyết định số 221/QĐ-TCĐDK ngày 07/6/2018 của Hiệu trưởng trường CĐDK).***

Trường hiện có 5 phòng, 4 trung tâm chức năng và 5 khoa chuyên môn đảm bảo phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường ***(1.2.02-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 99/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN của TCGDNN; 1.5.01-Báo cáo tổng kết năm của phòng, khoa, trung tâm năm 2017 đến 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Hội đồng trường được LĐLĐ tỉnh Bến Tre ra quyết định công nhận ***(1.6.01-Quyết định số 191/QĐ-LĐLĐ ngày 16/12/2015 của LĐLĐ tỉnh về việc công nhận thành viên, Chủ tịch và phó Chủ tịch Hội đồng trường trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi nhiệm kỳ 2015-2020; 1.06.02-Quyết định số 510/QĐ-LĐLĐ ngày 10/3/2020 của LĐLĐ tỉnh về việc công nhận bổ sung thành viên, phó Chủ tịch phụ trách Hội đồng trường trường CĐDK nhiệm kỳ 2015-2020)*** hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định ***(1.6.03-Báo cáo kết quả lãnh đạo thực hiện Quyết nghị của Hội đồng trường theo từng phiên họp năm 2017 đến 2020).***

Dưới Hội đồng trường là các Hội đồng tư vấn, thực hiện nhiệm vụ và tổ chức hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động trường CĐĐK ***(1.6.04-Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn nhà trường).*** Các phòng, khoa, trung tâm chức năng hoạt động theo quy chế nhà trường ***(1.1.01-Quy chế tổ chức và hoạt động trường CĐĐK ban hành kèm theo Quyết định số 221/QĐ-TCĐĐK ngày 07/6/2018 của Hiệu trưởng trường CĐĐK; 1.5.01-Báo cáo tổng kết năm của phòng, khoa, trung tâm năm 2017 đến 2020; 1.6.05-Báo cáo tổng kết năm 2017 đến 2020 của trường; 1.6.06-Quyết định khen thưởng trường năm 2017 đến 2020; 1.6.07- Quyết định khen thưởng năm 2017 đến 2019 của các phòng, khoa, trung tâm thuộc trường).***

Tuy nhiên, trong từng năm vẫn còn khoa, trung tâm hiệu quả đạt chưa cao, chỉ ở mức hoàn thành nhiệm vụ; thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, một số phòng, khoa, trung tâm vẫn còn sai sót ***(1.6.08-Biên bản làm việc số 08-BB-TTr ngày 30/7/2018 của Đoàn thanh tra TCGDNN về thanh tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp đối với trường CĐĐK).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 1: *0 điểm*

Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định

Để vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH, Trường đã xây dựng kế hoạch trên sự đóng góp của nhà giáo, cán bộ quản lý để thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng nhà trường ***(1.7.01-Hệ thống bảo đảm chất lượng; 1.7.02-Kế hoạch số 63/KH-TCĐĐK ngày 11/9/2018 về xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2018 – 2020; 1.6.05-Báo cáo tổng kết năm 2017 đến 2020 của trường; 1.5.01-Báo cáo tổng kết năm của phòng, khoa, trung tâm năm 2017 đến 2020; 1.7.03-Báo cáo tự đánh giá chất lượng năm 2020).*** Tuy nhiên, năm 2019 công tác này thực hiện chưa hoàn chỉnh do chưa được tập huấn nên việc thiết lập hệ thống thông tin và sổ tay bảo đảm chất lượng trường chưa thực hiện được. Tiêu chuẩn này có 55/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng, đạt 52,38%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 1: *0 điểm*

Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao

Bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý đảm bảo chất lượng đào tạo nhà trường là Trung tâm KT&KĐCLGDN ***(1.8.01-Quyết định số 618/QĐ-TCĐN ngày 30/12/2009 về việc thành lập Trung tâm KT & KĐCLGDNN trực thuộc trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi)*** hàng năm đều hoàn thành nhiệm vụ được giao ***(1.6.05-Báo cáo tổng kết năm 2017 đến 2020 của trường; 1.8.02-Báo cáo tổng kết năm 2017 đến 2020 của Trung tâm KT & KĐCLGDN; 1.8.03-Biên bản xét thi đua năm từ năm 2017 đến 2020 của Trung tâm KT & KĐCLGDN).*** Qua khảo sát, có 55/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 52,38%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Tổ chức Đảng nhà trường được Đảng ủy Khối Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh Bến Tre chuẩn y gồm 11 đồng chí ***(1.9.01-Quyết định số 948-QĐ/ĐUK ngày 16/7/2020***

của Ban thường vụ Đảng ủy Khối Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư và phó Bí thư Đảng ủy trường Cao đẳng Đồng Khởi, nhiệm kỳ 2020 – 2025). Đảng bộ nhà trường có 9 chi bộ ***(1.9.02-Quyết định thành lập các chi bộ)*** với 115 đảng viên (trong đó 05 dự bị). Đảng bộ làm việc theo Nghị quyết ***(1.9.03-Nghị quyết Đảng bộ nhiệm kỳ 2005-2020; 1.9.04-Nghị quyết Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025)*** đã phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ, quy định của Hiến pháp và pháp luật ***(1.6.05-Báo cáo tổng kết năm 2017 đến 2020 của trường; 1.9.05-Báo cáo tổng kết công tác Đảng nhà trường năm 2017 đến 2019; 1.9.06-Quyết định công nhận danh hiệu Đảng ủy nhà trường từ năm 2017 đến 2019).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 1: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường

Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường bao gồm Công đoàn cơ sở (CĐCS) ***(1.10.01-Quyết định số 28/QĐ-CĐVC ngày 05/6/2015 của Công đoàn viên chức tỉnh về việc chuẩn y Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các chức danh Chủ tịch, phó Chủ tịch; Uỷ ban kiểm tra và Chủ nhiệm Uỷ ban kiểm tra CĐCS trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi nhiệm kỳ 2015-2020)***, Đoàn Thanh niên ***(1.10.02-Quyết định số 207-QĐ/TĐTN- TCKT ngày 27/6/2019 về việc công nhận Ban Chấp hành Đoàn trường CĐĐK khóa VI, nhiệm kỳ 2019-2022)***, Ban Nữ công CĐCS nhà trường ***(1.10.03-Quyết định số 4A/QĐ-CĐCS ngày 15/6/2015 của CĐCS trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi về việc thành lập Ban Nữ công CĐCS trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi nhiệm kỳ 2015 -2020)***,....

Các đoàn thể này hoạt động theo điều lệ của mỗi tổ chức và quy định của pháp luật ***(1.10.04-Kế hoạch hoạt động năm 2017 đến 2020 của CĐCS nhà trường; 1.10.05-Chương trình hoạt động của Đoàn Thanh niên năm 2017 đến 2020; 1.10.06-Chương trình công tác Nữ công năm 2017 đến 2020)*** hàng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đã góp phần bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo của trường ***(1.10.07-Báo cáo tổng kết hoạt động công đoàn năm 2017 đến 2020; 1.10.08-Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020; 1.10.09-Báo cáo công tác Nữ công năm 2017 đến 2020; 1.10.10-Quyết định công nhận danh hiệu CĐCS nhà trường năm 2017 đến 2020; 1.10.11-Quyết định công nhận danh hiệu Đoàn Thanh niên năm 2017 đến 2020; 1.6.05-Báo cáo tổng kết năm 2017 đến 2020 của trường)***. Có 60/105 (đạt 57,14%) giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này; 210/439 HS-SV đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 47,8%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 1: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Trường thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo chuyên môn. Phòng TC, HC-QT kiểm tra, giám sát về các chế độ, phụ cấp, tuyển dụng, bổ nhiệm,... của cán bộ, giảng viên, giáo viên, viên chức; phòng Công tác HS-SV kiểm tra, giám sát giờ giấc lên lớp của giảng viên, giáo viên và HS-SV, tác phong đứng lớp của giảng viên, giáo viên, thái độ học của người học; phòng Đào tạo phối hợp cùng các khoa kiểm tra, giám sát về chương trình, tiến độ đào tạo, kiểm tra hồ sơ sư phạm, dự giờ

giảng viên, giáo viên; phòng Tài vụ kiểm tra, giám sát về công tác tài chính. Các Trung tâm kiểm tra, giám sát về chuyên môn như hoạt động KT&KĐCLGDN, về ĐT &SHLX, về công tác tuyển sinh,...nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo cho trường ***(1.11.01-Kế hoạch dự giờ, kiểm tra hồ sơ sư phạm giảng viên, giáo viên năm 2017 đến 2020; 1.11.02-Biên bản kiểm tra, giám sát năm 2017 đến 2020; 1.11.03-Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2017 đến 2020; 1.11.04-Phần mềm theo dõi HS-SV và giảng viên, giáo viên).***

Hình thức kiểm tra, giám sát mang tính chất thường xuyên của các bô phận chuyên môn, Trường chưa xây dựng quy định về công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động chung toàn trường để các phòng, khoa, trung tâm thực hiện. Tiêu chuẩn này có 56/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng, đạt 53,33%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 1: *0 điểm*

Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định

Căn cứ Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo; Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/10/2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; Thông tư số 22/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/08/2017 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ. Trường đã thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng là giáo viên đang giảng dạy tại trường ***(1.12.01-Quyết định số 44/QĐ-TCĐN ngày 03/10/2014 về việc hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo đối với cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường; 1.12.02-Quy định thanh toán phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo ban hành kèm theo Quyết định số 838/QĐ-TCĐĐK ngày 29/12/2017 của Hiệu trưởng trường CĐĐK; 1.12.03-Bản thanh toán phụ cấp ưu đãi cho cán bộ, giáo viên tham gia giảng dạy năm 2017 đến 2020)***.

Các loại phụ cấp khác cũng được trường thực hiện bình đẳng, mọi người đều được hưởng quyền lợi về bổ nhiệm, nâng lương, khen thưởng,... theo Nghị định, quy định hướng dẫn ***(1.3.07-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017 đến 2020).*** Có 59/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 56,19%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 1: *01 điểm*

3.2.2. Tiêu chí 2. Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu

Trường CĐĐK được cấp phép đào tạo theo 3 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp & hệ thường xuyên. Công tác tuyển sinh của trường được cụ thể hoá bằng những quy định tuyển sinh đảm bảo chất lượng đầu vào và thực hiện theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTBXH. Việc đa dạng hóa các phương thức đào tạo luôn được nhà trường quan tâm, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người học cũng như nhu cầu của thị trường lao động.

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo được nhà trường xây dựng ngay từ đầu khóa học và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với yêu cầu kết cấu chương trình đào tạo gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp. Phương pháp dạy học xây dựng theo hướng tích cực hóa người học và đánh giá theo năng lực thực hiện; giáo án đa phần là giáo án tích hợp; quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học.

** Những điểm mạnh*

Tất cả các chương trình đào tạo của trường biên soạn đều căn cứ vào chương trình dạy nghề do Bộ LĐTBXH ban hành. Trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo đúng tiến độ và hiệu quả; tuyển sinh đúng quy định; thực hiện quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đảm bảo nghiêm túc, khách quan, đúng quy chế và phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học/mô-đun.

Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo gồm dạy nghề dài hạn tập trung, dạy nghề ngắn hạn, đào tạo theo địa chỉ; thiết lập mối liên hệ chặt chẽ với các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để đào tạo theo nhu cầu của người học, người sử dụng lao động.

Kế hoạch đào tạo được xây dựng và thực hiện nghiêm túc, có kiểm tra, giám sát theo kế hoạch và báo cáo kịp thời vào các buổi họp báo đầu tuần, giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học

Trường có các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định và được rà soát khi cần thiết.

** Những tồn tại*

Việc sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng chưa được giảng viên, giáo viên thực hiện đạt theo yêu cầu.

Trường chưa ban hành quyết định tuyển sinh đào tạo liên thông do tuyển sinh đào tạo liên thông hàng năm chưa tuyển sinh được.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Thúc đẩy các khoa sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng vào trong giảng dạy, tối thiểu 80% các ngành/nghề thuộc khoa có 50% mô đun/môn học sử dụng các thiết bị này để đạt theo yêu cầu.

<u>Điểm đánh giá tiêu chí 2</u>

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	***15***
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	0
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	0
Tiêu chuẩn 10	1

Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1
Tiêu chuẩn 16	1
Tiêu chuẩn 17	1

Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Trường Cao đẳng Đồng Khởi được TCDN, TCGDNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp với 12 nghề trình độ Cao đẳng và Trung cấp, 17 nghề trình độ sơ cấp ***(1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 300/2017/GCNĐKHĐ-TCDN của TCDN; 1.2.02-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 99/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN của TCGDNN).*** Các năm qua (từ 2017 đến 2020), Trường tổ chức đào tạo các ngành/nghề sau:

Danh sách các ngành, nghề trường tổ chức đào tạo

STT		Năm	Tên ngành/nghề	Hệ đào tạo	Ghi chú
01	01	*2017*	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng, Trung cấp	
	01		Công nghệ ô tô	Cao đẳng, Trung cấp	
	03		Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Cao đẳng, Trung cấp	
	04		Điện công nghiệp	Cao đẳng, Trung cấp	
	05		Điện tử công nghiệp	Cao đẳng	
	06		Quản trị khách sạn	Cao đẳng	
	07		Quản trị mạng máy tính	Trung cấp	
	08		May thời trang	Trung cấp	
	09		Lái xe hạng B2	Sơ cấp	11 khóa
	10		Lái xe hạng C	Sơ cấp	05 khóa
02	01	*2018*	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng, Trung cấp	
	01		Công nghệ ô tô	Cao đẳng, Trung cấp	
	03		Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Cao đẳng, Trung cấp	
	04		Điện công nghiệp	Cao đẳng, Trung cấp	
	05		Quản trị khách sạn	Cao đẳng, Trung cấp	
	06		Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng, Trung cấp	
	07		May thời trang	Cao đẳng, Trung cấp	
	08		Lái xe hạng B2	Sơ cấp	09 khóa
	09		Lái xe hạng C	Sơ cấp	05 khóa
03	01	*2019*	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng, Trung cấp	
	02		Công nghệ ô tô	Cao đẳng, Trung cấp	

	03		Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Cao đẳng, Trung cấp	
	04		Điện công nghiệp	Cao đẳng, Trung cấp	
	05		Điện tử công nghiệp	Cao đẳng	
	06		Quản trị khách sạn	Cao đẳng, Trung cấp	
	07		Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng, Trung cấp	
	08		Lập trình máy tính	Cao đẳng	
	09		May thời trang	Cao đẳng, Trung cấp	
	10		Lái xe hạng B2	Sơ cấp	09 khóa
	11		Lái xe hạng C	Sơ cấp	05 khóa
	01		Cắt gọt kim loại	Cao đẳng, Trung cấp	
	02		Công nghệ ô tô	Cao đẳng, Trung cấp	
	03		Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Cao đẳng, Trung cấp	
	04		Điện công nghiệp	Cao đẳng, Trung cấp	
	05		Điện tử công nghiệp	Cao đẳng	
04	06	***2020***	Quản trị khách sạn	Cao đẳng, Trung cấp	
	07		Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	
	08		Lập trình máy tính	Cao đẳng	
	09		May thời trang	Cao đẳng, Trung cấp	
	10		Lái xe hạng B2	Sơ cấp	09 khóa
	11		Lái xe hạng C	Sơ cấp	05 khóa

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 và Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ LĐTBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo và khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng. Hiệu trưởng nhà trường đã ban hành quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo và khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng ***(2.1.01-Quyết định số 128/QĐ-TCĐĐK ngày 19 tháng 8 năm 2018 ban hành quy trình xây dựng, chỉnh sửa, rà soát, cập nhật và ban hành chương trình, giáo trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo của trường CĐĐK);*** xây dựng chương trình và quy định cụ thể chuẩn đầu ra cho từng chương trình đào tạo ***(2.1.02-Danh sách chương trình đào tạo các ngành/nghề và chuẩn đầu ra)***, thông báo công khai cho HS-SV qua trang website, Zalo của trường và trong buổi sinh hoạt đầu khóa. Có 54/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 51,42%; 256/439 HS-SV đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 58,3%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.2: **Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.**

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ LĐTBXH quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao

đẳng và Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/3/2019 của Bộ LĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017, Trường đã xây dựng cụ thể hóa và ban hành quy chế tuyển sinh và có hướng dẫn riêng về công tác tuyển sinh, cụ thể hoá quy định tuyển sinh của Bộ LĐTBXH ***(2.2.01-Quy chế tuyển sinh trung cấp, cao đẳng năm 2017 đến 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Tiêu chuẩn 2.1 – Đạt

Hàng năm, nhà trường tổ chức họp Hội đồng tuyển sinh, xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho từng nghề, từng cấp trình độ căn cứ vào giấy phép hoạt động, quy chế tuyển sinh theo các Thông tư hướng dẫn, điều kiện cơ sở vật chất, số lượng giáo viên cơ hữu và nhu cầu của người học để xây dựng kế hoạch, phương án tuyển sinh ***(2.3.01-Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2017 đến 2020; 2.3.02-Kế hoạch tuyển sinh đào tạo nghề năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020; 2.3.03-Thông báo tuyển sinh năm 2017 đến 2020).***

Công tác tuyển sinh được thực hiện đúng theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan. Căn cứ vào quy chế tuyển sinh và chỉ tiêu được giao, nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh theo từng năm ***(2.3.04-Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2017 đến 2020).*** Phương án xét tuyển được xây dựng cụ thể cho từng nghề, từng năm ***(2.3.05-Phương án xét tuyển năm 2017 đến 2020).*** Hội đồng tuyển sinh thực hiện xét duyệt hồ sơ ***(2.3.06-Hồ sơ đăng ký học năm 2017 đến 2020; 2.3.07-Hồ sơ xét tuyển năm 2017 đến 2020)*** và công nhận danh sách trúng tuyển theo từng cấp trình độ đào tạo ***(2.3.08-Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển các năm từ 2017 đến 2020; 2.3.09-Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2017 đến 2020; 2.3.10-Danh sách HS-SV nhập học năm 2017 đến 2020; 2.3.11-Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các lớp năm 2017 đến 2020).*** Có 59/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 56,19%; 195/439 HS-SV đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 44,4%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học

Nhà trường thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo để đáp ứng yêu cầu học tập của người học như: Đào tạo tập trung chính quy, đào tạo liên thông, đào tạo liên kết với doanh nghiệp, vừa học vừa làm, đào tạo ngắn hạn, tổ chức đánh giá kỹ năng nghề,.... Các lớp học được trường tổ chức vào ban ngày, các buổi tối, thứ bảy và chủ nhật trong tuần nhằm tạo mọi điều kiện để người học tham gia. Tuy nhiên các loại hình đào tạo đào tạo liên thông, đào tạo liên kết với doanh nghiệp, vừa học vừa làm chưa tổ chức được do số lượng tuyển sinh ít, không đủ để mở lớp.

Trường chủ động liên kết với các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên tại các huyện, thành phố trong tỉnh tổ chức đào tạo theo yêu cầu của từng địa phương. Tuy nhiên việc mở các lớp đào tạo trình độ trung cấp tại các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tại các huyện, thành phố đã ngưng từ đầu năm 2020, không tiếp tục tuyển sinh từ năm 2018 do nhà trường chưa đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại khoản 7 Điều 18 Nghị định số 43/2016/NĐ-CP ***(1.6.08-Biên bản làm việc số 08-BB-TTr ngày 30/7/2018 của***

Đoàn thanh tra TCGDNN về thanh tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp đối với trường CĐĐK).

Từ năm 2017, tất cả các ngành/nghề trình độ trung cấp, cao đẳng Trường đang đào tạo đều thực hiện phương thức tích lũy mô-đun; tín chỉ theo Thông tư hướng dẫn và quy chế đào tạo của trường ***(1.3.09-Quy chế đào tạo hệ Cao đẳng và Trung cấp theo phương thức tích lũy môn học, môđun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 526/QĐ-TCĐĐK ngày 01/8/2017 của Hiệu trưởng trường CĐĐK; 2.4.01-Quy chế đào tạo hệ Cao đẳng và Trung cấp theo phương thức tích lũy môn học, mô-đun hoặc tín chỉ ban hành theo Quyết định số 361/QĐ-TCĐĐK ngày 08/8/2018 của Hiệu trưởng trường CĐĐK; 2.4.02-Kế hoạch đào tạo từng ngành/nghề, từng học kỳ năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020; 2.3.10-Danh sách HS-SV nhập học năm 2017 đến 2020).*** Tiêu chuẩn này có 59/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng, đạt 56,19%; 235/439 HS-SV đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 53,5%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: *0 điểm*

Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Đầu mỗi khóa học các khoa chuyên môn phối hợp với phòng Đào tạo xây dựng Kế hoạch đào tạo toàn khóa cho từng lớp, cụ thể từng học kỳ theo từng năm học cho tất cả các ngành/nghề đào tạo của trường, trong đó có quy định cụ thể số giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập lao động sản xuất cho từng mô đun/môn học và được Hiệu trưởng phê duyệt ***(2.5.01-Danh sách các lớp, khóa học năm 2017 đến 2020; 2.4.02-Kế hoạch đào tạo từng ngành/nghề, từng học kỳ năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020; 2.5.02-Tiến độ đào tạo các lớp, khóa học năm 2017 đến 2020; 2.5.03-Quyết định ban hành chương trình các ngành/nghề đã được đào tạo năm 2017 đến 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

Căn cứ kế hoạch đã được Ban giám hiệu phê duyệt, các khoa chuyên môn triển khai thực hiện hoạt động đào tạo theo kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ ***(2.4.02-Kế hoạch đào tạo từng ngành/nghề, từng học kỳ năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020; 2.5.02-Tiến độ đào tạo các lớp, khóa học năm 2017 đến 2020; 2.6.01- Kế hoạch phân công giảng dạy toàn khóa của giáo viên năm 2017 đến 2020; 2.6.02-Sổ lên lớp năm 2017 đến 2020; 2.6.03-Giáo án giảng dạy giáo viên các ngành/nghề đào tạo năm 2017 đến 2020; 2.6.04-Sổ tay giáo viên các ngành/nghề đào tạo năm 2017 đến 2020).***

Hàng năm, phòng Đào tạo đều xây dựng kế hoạch dự giờ, kiểm tra hồ sơ sư phạm của các giáo viên ***(1.11.01-Kế hoạch dự giờ, kiểm tra hồ sơ sư phạm năm 2017 đến 2020; 2.6.05-Kế hoạch dự giờ thường xuyên các lớp năm 2017 đến 2020; 1.11.02-Biên bản kiểm tra, giám sát năm 2017 đến 2020)*** và báo cáo kết quả đến cán bộ, giáo viên nhà trường ***(1.11.03-Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2017 đến 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Trường thực hiện hoạt động đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt. Trong từng chương trình đều có mô đun/môn học thực tập tại cơ sở sản xuất, thực tập tại doanh nghiệp được bố trí thời gian phù hợp trong học kỳ; mô đun/môn học này giúp HS-SV hình thành kỹ năng, nắm bắt thực tế công việc để có thể tìm kiếm việc làm khi ra trường.

Sự phối hợp giữa trường với các đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho HS-SV thực hành, thực tập theo ngành/nghề dựa trên kế hoạch thực tập doanh nghiệp, hợp đồng ký kết hoặc Bản ghi nhớ về hỗ trợ liên kết trong đào tạo nghề của trường với đơn vị liên kết ***(2.7.01-Bản ghi nhớ của các doanh nghiệp năm 2017 đến 2020; 2.7.02-Kế hoạch thực tập doanh nghiệp năm 2017 đến 2020 của HS-SV; 2.7.03-Quyết định cử HS-SV đi thực hành, thực tập; 2.7.04-Danh sách giáo viên giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; 2.7.05-Đề cương thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 2.7.06-Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn có xác nhận của đơn vị sử dụng lao động).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

Nhà trường luôn chú trọng trong việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá người học, lấy người học làm trung tâm nhằm phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và trình độ tư duy của người học nhằm kịp thời củng cố, khắc phục lỗ hỏng, đồng thời chú ý đến từng đối tượng HS-SV để có phương pháp, phương tiện giảng dạy phù hợp. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên tổ chức phân nhóm cho HS-SV thực hành, thực tập, làm bài tập theo nhóm, đa phần sử dụng phương pháp dạy tích hợp để phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học ***(2.6.02-Sổ lên lớp năm 2017 đến 2020; 2.6.04-Sổ tay giáo viên các ngành/nghề đào tạo năm 2017 đến 2020; 2.6.03-Giáo án giảng dạy giáo viên các ngành/nghề đào tạo năm 2017 đến 2020; 1.11.02-Biên bản kiểm tra, giám sát năm 2017 đến 2020).***

Ngoài ra, chương trình đào tạo của trường khi điều chỉnh đều thống nhất theo hướng chú trọng thực tập, thực tế, đưa HS-SV thực tập tại các cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc làm việc tại các công trình để HS-SV trau dồi thêm kiến thức, kỹ năng và biết tư duy vận dụng vào việc học. Có 59/99 giảng viên, giáo viên hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 59,59%; 259/439 HS-SV đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 59%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 2: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Khoa Tin học- Ngoại ngữ và phòng Đào tạo nhà trường hiện đang phối hợp xây dựng phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm này áp dụng cho tuyển sinh, đào tạo từ

năm học 2020-2021; giáo viên, HS-SV tra cứu chương trình đào tạo, kết quả thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của HS-SV trên trang website của trường.

Giảng viên, giáo viên của trường có ứng dụng công nghệ thông tin vào trong hoạt động giảng dạy, tuy nhiên việc sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng chưa được giảng viên, giáo viên thực hiện đạt theo yêu cầu của tiêu chí. Có 63/99 giảng viên, giáo viên hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 63,63%; 298/439 HS-SV đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 65,8%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 2: *0 điểm*

Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của trường do bộ phận phòng Đào tạo, phòng Công tác HS-SV và Trung tâm KT&KĐCLGDN đảm trách. Định kỳ hàng năm, phòng Đào tạo thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học như: dự giờ, kiểm tra hồ sơ sư phạm giáo viên, kiểm tra tiến độ đào tạo ***(1.11.01-Kế hoạch dự giờ, kiểm tra hồ sơ sư phạm năm 2017 đến 2020; 2.6.05-Kế hoạch dự giờ thường xuyên các lớp năm 2017 đến 2020)***. Ngoài kiểm tra, giám sát theo kế hoạch, phòng Đào tạo còn thực hiện kiểm tra, giám sát đột xuất quá trình giáo viên giảng dạy trên lớp ***(1.11.02-Biên bản kiểm tra, giám sát năm 2017 đến 2020; 1.11.03-Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2017 đến 2020).*** Phòng Công tác HS-SV kiểm tra, giám sát giờ giấc giáo viên lên lớp, kiểm tra sĩ số và thái độ học của HS-SV; kịp thời ghi nhận và xử lý các trường hợp giáo viên và người học vi phạm quy định của nhà trường ***(1.11.04-Phần mềm theo dõi HS-SV và giảng viên, giáo viên).*** Trung tâm KT&KĐCLGDN kiểm tra, giám sát HS-SV về điều kiện tham gia dự thi hết môn, về thi lại, học lại; tham gia giám sát Hội đồng thi cấp chứng chỉ Anh văn, Tin học A,B; giám sát Hội đồng đánh giá năng lực tiếng Anh của HS-SV nhà trường; thực hiện khảo sát CBNV, giáo viên và HS-SV về các hoạt động của nhà trường theo tiêu chuẩn kiểm định ***(2.10.01-Phiếu khảo sát CBNV, giáo viên năm 2017 đến 2020; 2.10.02-Phiếu lấy ý kiến người học năm 2017 đến 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 2: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của giáo viên và HS-SV được phòng Đào tạo, phòng Công tác HS-SV kịp thời báo cáo với Ban giám hiệu, lãnh đạo chủ chốt các phòng, khoa, trung tâm về những thiếu sót trong hoạt động này vào các buổi họp báo tuần, tháng ***(1.11.03-Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2017 đến 2020; 2.11.01-Sổ họp báo hàng tuần, tháng năm 2017 đến 2020),*** qua đó có những đề xuất nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học nếu thấy cần thiết và được sự thống nhất chỉ đạo của Ban giám hiệu ***(2.11.02-Quyết định số 03/QĐ-TCĐĐK ngày 4/1/2019 của Trường CĐĐK quy định hồ sơ, sổ sách trong quản lý đào tạo trung cấp, cao đẳng).*** Tiêu chuẩn này có 64/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng, đạt 60,95%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 2: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng

chỉ theo quy định.

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ LĐTBXH quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Trường đã ban hành Quy chế đào tạo hệ cao đẳng và trung cấp theo phương thức tích lũy môn học, mô-đun hoặc tín chỉ trong đó có đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học ***(1.3.09-Quy chế đào tạo hệ Cao đẳng và Trung cấp theo phương thức tích lũy môn học, môđun hoặc tín chỉ ban hành theo Quyết định số: 526/QĐ-TCĐN ngày 01/8/2017; 2.4.01-Quy chế đào tạo hệ cao đẳng và trung cấp theo phương thức tích lũy môn học, mô-đun hoặc tín chỉ số 361/QĐ-TCĐĐK ngày 8/8/2018 của Hiệu trưởng trường CĐĐK)***; Quy định về kiểm tra kết thúc môn, thi, xét công nhận tốt nghiệp ***(1.3.10-Quy chế kiểm tra kết thúc môn, thi, xét công nhận tốt nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 708 /QĐ-TCĐĐK ngày 01/11/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Đồng Khởi)*** và đánh giá kết quả rèn luyện HS-SV theo Quyết định số 54/2008/QĐ-Bộ LĐTBXH ngày 19/5/2008 của Bộ LĐTBXH về ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HS-SV trong các cơ sở dạy nghề ***(2.12.01-Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của HS-SV năm 2017 đến 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 2: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có

Trường có quy định về HS-SV tham gia thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp tại các cơ quan, doanh nghiệp nên luôn có sự tham gia đánh giá của các doanh nghiệp về kết quả học tập HS-SV của trường ***(2.13.01-Quy định về việc HS-SV tham gia thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp tại các cơ quan, doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 36/QĐ-TCĐN ngày 14/02/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 2: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Tiêu chuẩn 2.12 – Đạt

Từ năm học 2017-2018, Trường thực hiện kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc môn, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, cấp văn bằng, chứng chỉ theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ LĐTBXH quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra kết thúc môn, thi, xét công nhận tốt nghiệp và các quy chế riêng của trường ***(1.3.09-Quy chế đào tạo hệ Cao đẳng và Trung cấp theo phương thức tích lũy môn học, môđun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 526/QĐ-TCĐĐK ngày 01/8/2017; 2.4.01-Quy chế đào tạo hệ Cao đẳng và Trung cấp theo phương thức tích lũy môn học, mô-đun hoặc tín chỉ ban hành theo Quyết định số 361/QĐ-TCĐĐK ngày 08/8/2018 của Hiệu trưởng trường CĐĐK; 1.3.10- Quy chế kiểm tra kết thúc môn, thi, xét công nhận tốt nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 708/QĐ-TCĐĐK ngày 01/11/2017 của Hiệu trưởng trường CĐĐK).***

Việc đánh giá kết quả rèn luyện dựa vào Thông tư 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ban hành Quy chế công tác HS-SV trong trường trung cấp, trường cao đẳng được trường cụ thể hóa bằng Quy chế công tác HS-SV và phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của HS-SV ***(2.14.01-Quy chế công tác HS-SV ban hành kèm theo Quyết định số 161/QĐ-TCĐĐK ngày 24/4/2018 của Hiệu trưởng trường CĐĐK; 2.12.01-Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của HS-SV năm 2017 đến 2020).*** Tất cả đều được thực hiện theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 2: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

Các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ được nhà trường thực hiện rà soát và điều chỉnh khi có hướng dẫn của Bộ LĐTBXH và quá trình thực hiện tại đơn vị ***(2.15.01-Quy trình kiểm tra kết thúc môn học/mô đun đối với đào tạo Cao đẳng và Trung cấp năm học 2016-2017; 1.3.10-Quy chế kiểm tra kết thúc môn, thi, xét công nhận tốt nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 708/QĐ-TCĐĐK ngày 01/11/2017 của Hiệu trưởng trường CĐĐK; 1.3.09-Quy chế đào tạo hệ Cao đẳng và Trung cấp theo phương thức tích lũy môn học, môđun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 526/QĐ-TCĐĐK ngày 01/8/2017; 2.4.01-Quy chế đào tạo hệ Cao đẳng và Trung cấp theo phương thức tích lũy môn học, mô-đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 361/QĐ-TCĐĐK ngày 08/8/2018 của Hiệu trưởng trường CĐĐK; 2.15.02-Quy định về việc in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 375/QĐ- TCĐĐK ngày 8/8/2018 của Hiệu trưởng trường CĐĐK; 2.14.01-Quy chế công tác HS-SV ban hành kèm theo Quyết định số 161/QĐ-TCĐĐK ngày 24/4/2018 của Hiệu trưởng trường CĐĐK).*** Việc thực hiện rà soát đều có sự tham gia góp ý của giáo viên, cán bộ quản lý nhà trường, có 59/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 56,19%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 2: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

Trường được TCDN đồng ý cho phép đào tạo liên thông từ Trung cấp nghề lên Cao đẳng nghề ***(2.16.01-Công văn số 1116/TCDN-DNCQ ngày 20/7/2012 của TCDN cho phép đào tạo liên thông trình độ Trung cấp lên Cao đẳng)***. Căn cứ Công văn, Trường đã ban hành quy định tổ chức đào tạo liên thông từ bậc trung cấp lên cao đẳng phù hợp với Luật giáo dục nghề nghiệp, đồng thời xây dựng chương trình cho trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng và đã được phê duyệt ***(2.16.02-Quy định về đào tạo liên thông trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi; 2.16.03-Quy chế đào tạo liên thông ban hành kèm theo Quyết định số 77/QĐ-TCĐĐK ngày 23/2/2018 của Hiệu trưởng trường CĐĐK; 2.16.04-Chương trình đào tạo liên thông; 2.16.05-Kế hoạch tuyển sinh năm học 2020-2021).*** Có 56/105 giảng viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này đạt 53,33%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16, tiêu chí 2: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

Trường có trang website để quảng bá, đưa thông tin, hình ảnh đến người học và lưu trữ cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo của nhà trường như thông báo tuyển sinh, chương trình đào tạo, thời khóa biểu, điểm số thi hết môn, thông tin tuyển dụng,... ***(1.1.02-Trang website trường CĐĐK).*** Cơ sở dữ liệu này được phòng Đào tạo, trung tâm KT&KĐCLGDN, trung tâm TS, GTVL&QHDN cập nhật thường xuyên, được quản lý và sử dụng đạt hiệu quả. Có 57/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 54,28%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17, tiêu chí 2: *01 điểm*

3.2.3. Tiêu chí 3. Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu

Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, viên chức là lực lượng lao động quan trọng của trường, đảm bảo cho trường hoạt động đạt hiệu quả. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, viên chức của trường được tuyển dụng, sử dụng; được quy hoạch, bồi dưỡng đúng quy định đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch; được hưởng các chế độ, chính sách đúng tiêu chuẩn.

Trường đặc biệt quan tâm đến công tác phát triển đội ngũ giáo viên, CBNV trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và điều kiện thực tiễn của đơn vị để phát triển toàn diện đội ngũ giáo viên, CBNV về số lượng và chất lượng. Số lượng cử nhân đại học, sau đại học và trung cấp lý luận chính trị của trường tăng lên theo từng năm.

** Những điểm mạnh*

Trường có đội ngũ giáo viên trẻ, đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo.

Trường luôn tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích đội ngũ giáo viên, CBNV tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ, tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm giáo viên, CBNV theo quy chế, quy định, đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch.

Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng nhà trường có phẩm chất đạo đức và năng lực đạt yêu cầu, thực hiện đầy đủ quyền hạn và hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ theo quy định. Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt về trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm quản lý trong hoạt động đào tạo. Đội ngũ viên chức của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

** Những tồn tại*

Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định nhưng chưa được tập huấn về Lý luận và nghiệp vụ công tác Công đoàn; 02 phó Hiệu trưởng chưa qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp.

Trường còn 01/99 (1%) giảng viên chưa đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ; chưa đạt 100% giảng viên, giáo viên được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất, nắm bắt thêm kinh nghiệm vận dụng vào quá trình giảng dạy. Trong từng năm vẫn còn 01 số ít giáo viên, CBNV vi phạm quy chế, quy định nhà trường.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Thực hiện kế hoạch về việc giảng viên, giáo viên được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất, nắm bắt thêm kinh nghiệm vận dụng vào quá trình giảng dạy.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	*12*
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	0
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	0
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/3/2017 quy định tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục dạy nghề, Trường đã xây dựng quy chế tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo phù hợp với đặc điểm của nhà trường ***(3.1.01-Quy chế tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo ban hành kèm theo Quyết định số 514/QĐ-TCĐDK ngày 24/7/2017 của Hiệu trưởng trường CĐDK)***.

Đối với CBNV, Trường thực hiện theo Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định sửa đổi bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức…

Về quy hoạch, thực hiện theo Hướng dẫn số 02-HD/BTCTU ngày 03/3/2016 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025; Công văn số 1851-CV/BTCTU ngày 26/01/2018 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc hướng dẫn bổ sung một số nội dung về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ; Hướng dẫn số 01-HD/ĐU ngày 28/6/2018 của Đảng ủy trường CĐDK về thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ ***(3.1.02-Hướng dẫn số 01-HD/ĐU ngày 28/6/2018 của Đảng ủy trường CĐDK về thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ)***. Các năm qua, Trường đã thực hiện quy hoạch cán bộ (A3) nhiệm kỳ 2015-2020 và quy hoạch cán bộ (A1) nhiệm kỳ 2020-2025, tuy nhiên việc quy hoạch này chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt vì đội ngũ CBNV, giáo viên nhà trường chưa được công nhận là công chức hay viên chức.

Để chuẩn hóa đội ngũ CBNV nhà trường, hàng năm phòng TC, HC-QT tham mưu Ban giám hiệu cử cán bộ, giáo viên nhà trường tham gia học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ sau đại học, đại học, lý luận chính trị, các lớp ngắn hạn,... ***(3.1.03-Các quyết định, công văn cử đi học, đào tạo, bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn 2017 đến 2020).*** Việc đánh giá, phân loại giáo viên, CBNV và người lao động được trường thực hiện định kỳ hàng năm theo quy định khen thưởng của tổ chức Công đoàn ***(3.1.04-Hướng dẫn đánh giá, phân loại công chức, viên chức và xét thi đua năm học 2017- 2018 đến 2019–2020).***

Ngoài đánh giá, phân loại giáo viên theo định kỳ, năm học 2018 -2019, đội ngũ giáo viên nhà trường còn thực hiện đánh giá, xếp loại chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ***(3.1.05-Quy định đánh giá về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ giảng viên, giáo viên ban hành kèm theo Quyết định số 525/QĐ-TCĐĐK ngày 01/8/2017 của Hiệu trưởng trường CĐĐK).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

Trường tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch và khách quan ***(3.2.01-Bản kết quả thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng giáo viên, CBNV nhà trường năm 2017 đến 2020).***

Trường cũng thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho giáo viên, CBNV về tiền lương, phụ cấp chức vụ; phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thâm niên cho giáo viên; đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp,...đủ đúng theo quy định ***(3.2.02-Danh sách giáo viên, CBNV được hưởng chế độ, chính sách theo quy định năm 2017 đến 2020; 3.2.03-Hệ thống thang bảng lương CBNV nhà trường năm 2017 đến 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có

Qua kết quả thanh tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp của Đoàn thanh tra TCGDNN và kết quả đánh giá chuẩn nhà giáo năm 2018-2019, Trường còn 01 giáo viên cơ hữu chưa đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ. Như vậy, Trường chưa đạt 100% đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ ***(3.3.01-Danh sách trích ngang giáo viên cơ hữu, thỉnh giảng nhà trường; 3.3.02-Hồ sơ quản lý giáo viên cơ hữu, thỉnh giảng nhà trường; 1.6.08-Biên bản làm việc số 08-BB-TTr ngày 30/7/2018 của Đoàn thanh tra TCGDNN về thanh tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp đối với trường CĐĐK).*** Qua khảo sát, có 54/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 51,42%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: *0 điểm*

Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường

Giảng viên, giáo viên, CBNV đều thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế tổ chức và hoạt động nhà trường ***(1.1.01-Quy chế tổ chức và hoạt động trường CĐĐK ban hành kèm theo Quyết định số 221/QĐ-TCĐĐK ngày 07/6/2018 của Hiệu trưởng trường CĐĐK)***; Quy chế làm việc của các phòng, khoa, trung tâm thuộc trường ***(1.3.06-Quy chế làm việc của các phòng, khoa, trung tâm thuộc trường)***; Quy định làm việc của giáo viên ***(3.4.01-Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo ban hành kèm theo Quyết định số 782/QĐ-TCĐĐK ngày 08/12/2017 của Hiệu trưởng trường CĐĐK; 3.4.02-Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo, viên chức quản lý và nhân viên giáo vụ dạy lái xe tại Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe ban hành kèm theo Quyết định số 79/QĐ-TCĐĐK ngày 26/02/2018 của Hiệu trưởng trường CĐĐK; 3.4.03-Danh sách trình độ đào tạo, vị trí công tác của giáo viên, CBNV nhà trường năm 2017 đến 2020; 3.3.02-Hồ sơ quản lý giáo viên cơ hữu, thỉnh giảng nhà trường; 3.4.04-Hồ sơ CBNV nhà trường; 3.4.05-Phiếu đánh giá và phân loại viên chức năm 2017 đến 2020; 1.6.05-Báo cáo tổng kết năm 2017 đến 2020 của trường).***

Tuy nhiên, trong từng năm vẫn còn 01 số ít giáo viên, CBNV vi phạm quy chế, quy định nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: *0 điểm*

Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định

Tổng số giáo viên tham gia giảng dạy các ngành/nghề của trường là 56 người (không tính giáo viên dạy lái xe) ***(3.5.01-Danh sách trích ngang giáo viên nhà trường (không tính giáo viên dạy lái xe))*** thực hiện giảng dạy theo Thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và quy định của nhà trường ***(3.4.01-Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo ban hành kèm theo Quyết định số 782/QĐ-TCĐĐK ngày 08/12/2017 của Hiệu trưởng trường CĐĐK).***

Giáo viên thực hiện giảng dạy theo kế hoạch đào tạo của trường ***(2.4.02-Kế hoạch đào tạo từng ngành/nghề, từng học kỳ năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020),*** được phân công giảng dạy theo ngành/nghề chuyên môn ***(2.6.01-Kế hoạch phân công giảng dạy toàn khóa của giáo viên năm 2017 đến 2020; 2.5.01-Danh sách các lớp, khóa học năm 2017 đến 2020; 3.5.02-Danh sách HS-SV học lý thuyết; 3.5.03-Danh sách HS-SV học thực hành; 3.5.04-Bảng thống kê giờ giảng của giáo viên năm 2017 đến 2020; 3.2.03-Hệ thống thang bảng lương CBNV nhà trường năm 2017 đến 2020; 3.5.05-Bảng thanh toán tiền vượt giờ của giáo viên năm 2017 đến 2020),*** được tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp khoa, Hội giảng cấp trường ***(3.5.06-Kế hoạch Hội giảng cấp trường năm 2017 đến 2019)***, tham gia bồi dưỡng chính trị-chuyên môn hè, ... ***(3.5.07-Kế hoạch bồi dưỡng chính trị-chuyên môn hè cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý năm 2017 đến 2020).***

Tổng số HS-SV trình độ cao đẳng, trung cấp đang theo học tại trường là 929 ngành/nghề kỹ thuật, 53 ngành/nghề dịch vụ; tổng là 982 HS-SV, tỷ lệ quy đổi người học/giáo viên là 49 giáo viên; giáo viên nhà trường là 56 đạt 114,3% ***(3.5.08-Bản thống kê tỷ lệ quy đổi người học/giáo viên).*** Giáo viên, giảng viên có trình độ sau đại học đạt 48,2% (27/56), đảm bảo tỷ lệ theo quy định (không ít hơn 30% tổng số giáo viên, giảng viên của trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Việc thực hiện công tác giảng dạy của giáo viên luôn đảm bảo tuân thủ theo nội dung chi tiết trong chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, khối lượng kiến thức, thời gian học và hướng dẫn đánh giá trong chương trình đào tạo chi tiết của các nghề đã được Hiệu trưởng phê duyệt; theo Thông tư 16 của Bộ giáo dục đối với các môn văn hóa ***(2.4.02-Kế hoạch đào tạo từng ngành/nghề, từng học kỳ năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020; 3.3.01-Danh sách trích ngang giáo viên cơ hữu, thỉnh giảng nhà trường; 2.6.02-Sổ lên lớp năm 2017 đến 2020; 2.6.03-Giáo án giảng dạy giáo viên các ngành/nghề đào tạo năm 2017 đến 2020; 2.6.04-Sổ tay giáo viên các ngành/nghề đào tạo năm 2017 đến 2020; 3.6.01-Biên bản dự giờ định kỳ, đột xuất năm 2017 đến 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Nhà trường luôn tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi cho đội ngũ giáo viên, CBNV học tập nâng cao trình độ, đổi mới phương pháp giảng dạy; tham gia, tham dự các lớp tập huấn, hội thảo khoa học và các Dự án do TCGDNN, các trường đại học tổ chức.

Các giáo viên, CBNV tham gia học sau đại học được trường ra quyết định cử đi học và được hỗ trợ 01 phần học phí ***(3.1.03-Các quyết định, công văn cử đi học, đào tạo, bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn năm 2017 đến 2020; 1.3.07-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017 đến 2020).*** Riêng giáo viên, CBNV tự nâng cao trình độ đại học được trường tạo điều kiện về thời gian trong suốt khóa học. Có 59/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 56,19%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo

Nhà trường thực hiện triển khai kế hoạch đào tạo, công tác quản lý đào tạo, các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của năm học mới cho giáo viên, cán bộ quản lý vào thời gian hè hàng năm ***(3.5.07-Kế hoạch bồi dưỡng chính trị-chuyên môn hè cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý năm 2017 đến 2020);*** tổ chức Hội giảng cấp trường để giáo viên học hỏi kinh nghiệm, trao đổi phương pháp giảng dạy ***(3.5.06-Kế hoạch Hội giảng cấp trường năm 2016 đến 2019).***

Hàng năm, Trường đều có giáo viên, CBNV được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, nghiệp vụ sư phạm, Tin học – Ngoại ngữ; các lớp tập huấn, hội thảo và các Dự án,... ***(3.1.03-Các quyết định, công văn cử đi học, đào tạo, bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn 2017 đến 2020; 3.8.01-Danh sách nhà giáo cơ hữu đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm 2017 đến 2020; 3.8.02-Bằng cấp, chứng chỉ nhà giáo cơ hữu tham gia các khoá học, bồi dưỡng năm 2017 đến 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Giáo viên được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất, nắm bắt thêm kinh nghiệm vận dụng vào quá trình giảng dạy nhưng chưa được thường xuyên, chưa đạt 100% theo yêu cầu, chủ yếu thông qua các đợt thực tập của HS-SV ***(3.3.01-Danh sách trích ngang giáo viên cơ hữu, thỉnh giảng nhà trường).*** Có 60/99 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 60,6%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 3: *0 điểm*

Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo các giáo viên tham gia học tập nâng cao trình độ thông qua văn bằng chứng chỉ đạt được, qua tỷ lệ giáo viên đạt trình độ cao hơn trong từng năm ***(1.6.05-Báo cáo tổng kết năm 2017 đến 2020 của trường).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 3: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao

Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng của trường đều đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo của trường có bằng Thạc sỹ Quản lý giáo dục; Hiệu trưởng có giấy chứng nhận bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp; phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở 2 có bằng tốt nghiệp đại học tài chính kế toán doanh nghiệp và vừa bảo vệ xong đề tài cao học ***(3.11.01-Danh sách trích ngang của Ban giám hiệu; 3.11.02-Hồ sơ của Ban giám hiệu).***

Ban Giám hiệu nhà trường có phẩm chất, đạo đức tốt; có độ tuổi và sức khỏe, năng lực quản lý, phụ trách điều hành các mặt hoạt động và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao ***(3.11.03-Phiếu đánh giá và phân loại viên chức năm 2017 đến 2020 của Ban giám hiệu; 1.6.05-Báo cáo tổng kết năm 2017 đến 2020 của trường).***

Tuy nhiên, Ban giám hiệu cả 03 Thầy/Cô đều chưa được tập huấn Lý luận và nghiệp vụ công tác Công đoàn; 02 phó Hiệu trưởng chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 3: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Đội ngũ cán bộ quản lý của phòng, khoa, trung tâm thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định ***(1.1.01-Quy chế tổ chức và hoạt động trường CĐĐK ban hành kèm theo Quyết định số 221/QĐ-TCĐĐK ngày 07/6/2018 của Hiệu trưởng trường CĐĐK; 3.12.01-Danh sách trích ngang cán bộ quản lý của trường; 3.12.02-Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, kỷ luật CBNV nhà trường).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 3: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường hiện nay là 31 người ***(3.12.01-Danh sách trích ngang cán bộ quản lý của trường)***, tất cả đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và

thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ được giao ***(1.6.05-Báo cáo tổng kết năm 2017 đến 2020 của trường; 1.5.01-Báo cáo tổng kết năm của phòng, khoa, trung tâm năm 2017 đến 2020; 3.13.01-Biên bản xét danh hiệu thi đua cuối năm 2017 đến 2020 nhà trường).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 3: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Trường có 31 cán bộ quản lý, trong đó 17 Thạc sỹ, 14 cử nhân. Hàng năm, đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng lý luận chính trị, hội thảo và các Dự án,... khi có thông báo của các đơn vị cấp trên. Trường không xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm (do hầu hết đều đạt chuẩn) ***(3.1.03-Các quyết định, công văn cử đi học, đào tạo, bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn năm 2017 đến 2020; 3.14.01-Bằng cấp, chứng chỉ cán bộ quản lý tham gia các khoá học năm 2017 đến 2020).*** Có 30/31 cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 96,77%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 3: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Đội ngũ viên chức của trường hiện nay là 36 người, trong đó 23 trình độ Cử nhân, 01 Cao đẳng, 02 Trung cấp, 10 trình độ khác. Lực lượng này ngoài thực hiện công việc chuyên môn được giao còn tham gia đăng ký học tập nâng cao trình độ (01 vừa đậu Cao học, 01 đang học Đại học) đã đáp ứng được yêu cầu công việc theo từng lĩnh vực phân công ***(3.15.01-Danh sách trích ngang đội ngũ viên chức nhà trường; 1.6.05-Báo cáo tổng kết năm 2017 đến 2020 của trường; 1.5.01-Báo cáo tổng kết năm của phòng, khoa, trung tâm năm 2017 đến 2020; 3.15.02-Danh sách viên chức được cử đi học tập, bồi dưỡng năm 2017 đến 2020; 3.15.03-Các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành khóa học năm 2017 đến 2020 đội ngũ viên chức nhà trường).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 3: *01 điểm*

3.2.4. Tiêu chí 4. Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu

Chương trình đào tạo hệ chính qui của trường được xây dựng theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH, chương trình khung của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH, gắn kết sứ mệnh và mục tiêu phát triển nhà trường, đáp ứng nhu cầu đào tạo các bậc học, cung cấp nguồn nhân lực kỹ thuật cao cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo tính liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng, việc triển khai áp dụng phương pháp dạy học tích cực cũng được nhà trường đặc biệt quan tâm. Tài liệu giáo trình nhà trường đang sử dụng là các tài liệu trong và ngoài nước, các bài giảng có kết hợp thêm phần kinh nghiệm thực tiễn của giáo viên.

** Những điểm mạnh*

Các chương trình hiện đang đào tạo tại trường đều được xây dựng theo chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành và có điều chỉnh để phù hợp với cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường, đảm bảo cho hoạt động đào tạo đạt hiệu quả cao.

Chương trình đào tạo của trường do cán bộ, giáo viên của trường có kinh nghiệm về chuyên môn, thâm niên giảng dạy và tham gia tập huấn các lớp về xây dựng chương trình do TCGDNN tổ chức biên soạn cùng với giáo viên trực tiếp giảng dạy ở các khoa chuyên môn. Chương trình xây dựng theo mẫu chung, đúng quy định, xác định rõ phương pháp và các yêu cầu về kiểm tra đánh giá kết quả học tập; đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của từng trình độ đào tạo, yêu cầu của người học, người sử dụng lao động và được Hiệu trưởng phê duyệt.

Các giáo trình và tài liệu giảng dạy được cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt và phương pháp dạy học tích cực.

* *Những tồn tại*

Chương trình đào tạo tuy có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo nhưng chưa tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài. Doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình chưa đảm bảo thành phần theo yêu cầu, chưa thật sự đem lại hiệu quả trong việc tham gia đóng góp ý kiến của đơn vị sử dụng lao động.

Trường chưa ban hành quyết định tuyển sinh đào tạo liên thông do hàng năm tuyển sinh chưa đạt; thiếu lấy ý kiến người học tốt nghiệp đã đi làm về chương trình đào tạo.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Nghiên cứu, tham khảo thêm chương trình đào tạo nước ngoài, tiếp thu khoa học công nghệ mới đóng góp vào chương trình đào tạo để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường. Thực hiện thẩm định giáo trình cấp trường, đảm bảo 05 bản in cho mỗi loại giáo trình theo yêu cầu của thư viện.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	***13***
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	0
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	0
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

Trường có đầy đủ chương trình đào tạo cho 12 nghề trình độ Cao đẳng, Trung cấp; 17 bộ chương trình Sơ cấp cho tất cả các ngành/nghề đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp do TCDN, TCGDNN cấp ***(1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 300/2017/GCNĐKHĐ-TCDN của TCDN; 1.2.02-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 99/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN; 2.1.02-Danh sách chương trình đào tạo các ngành/nghề và chuẩn đầu ra; 4.1.01-Chương trình đào tạo các ngành/nghề năm 2017 đến 2020; 2.5.03-Quyết định ban hành chương trình các ngành/ nghề đã được đào tạo năm 2017 đến 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

Căn cứ Hướng dẫn số 106/TCDN-DNCQ ngày 19/01/2017 của TCDN về việc hướng dẫn xây dựng, chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Trường đã xây dựng kế hoạch xây dựng điều chỉnh, rà soát chương trình đào tạo từ cấp bộ môn tới thẩm định cấp khoa ***(4.2.01-Hồ sơ thẩm định cấp khoa)*** đến nghiệm thu cấp trường ***(4.2.02-Hồ sơ thẩm định cấp trường).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

Các chương trình đào tạo của trường đều thể hiện đầy đủ mục tiêu, trình độ đào tạo; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo phù hợp theo quy định ***(2.5.03-Quyết định ban hành chương trình các ngành/ nghề đã được đào tạo năm 2017 đến 2020; 4.1.01-Chương trình đào tạo các ngành/nghề năm 2017 đến 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Các chương trình đào tạo của trường khi xây dựng đều có sự tham gia của giáo viên chuyên môn của trường, cán bộ quản lý, giáo viên các trường bạn, phòng Quản lý nghề Sở LĐTBXH và đại diện của đơn vị sử dụng lao động ***(4.2.02-Hồ sơ thẩm định cấp trường)***. Hầu hết các đơn vị sử dụng lao động đều đồng tình với nội dung đánh giá.

Có 53/105 giảng viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 50,47%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

Trong quá trình xây dựng chương trình và thẩm định chương trình của các khoa và Hội đồng thẩm định, yếu tố đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động trong chương trình đào tạo luôn được các khoa và Hội đồng quan tâm để chương trình khi ban hành đảm bảo tính thực tiễn, tạo điều kiện cho HS-SV hiểu và tiếp cận những cái mới, đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp và đơn vị sản xuất kinh doanh,... ***(2.5.03-Quyết định ban hành chương trình các ngành/nghề năm 2017 đến 2020; 4.1.01-Chương trình đào tạo các ngành/nghề năm 2017 đến 2020; 4.5.01-Phiếu nhận xét, phản biện chương trình đào tạo các nghề hệ Cao đẳng, Trung cấp của đơn vị sử dụng lao động).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Quá trình xây dựng chương trình đào tạo luôn được nhà trường chú trọng đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định. Các môn cơ sở ngành trong chương trình giữa hệ trung cấp và cao đẳng là giống nhau về thời lượng và chuẩn đầu ra, riêng chương trình cao đẳng có sự bổ sung tăng cường thêm các môn cơ sở, các môn học/mô đun chuyên sâu về nghề để sinh viên được tiếp tục liên thông lên Đại học ***(2.5.03-Quyết định ban hành chương trình các ngành/nghề năm 2017 đến 2020; 4.1.01-Chương trình đào tạo các ngành/nghề năm 2017 đến 2020).***

Vấn đề liên thông lên trình độ đại học, sinh viên được Trường thông báo vào buổi sinh hoạt đầu khóa. Sinh viên hệ Cao đẳng nghề Kế toán doanh nghiệp, Điện công nghiệp, Quản trị mạng máy tính của trường các năm qua đã tham gia học liên thông đại học trường Đại học Trà Vinh, Đại học Vĩnh Long ***(4.6.01-Quyết định trúng tuyển đại học của các trường; 1.3.09-Quy chế đào tạo hệ Cao đẳng và Trung cấp theo phương thức tích lũy môn học, môđun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 526/QĐ-TCĐĐK ngày 01/8/2017 của Hiệu trưởng trường CĐĐK).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

Trường thực hiện rà soát, điều chỉnh chương trình theo quy định. Trường hợp đột xuất khi có Thông tư hướng dẫn mới hoặc nhận xét đóng góp của đoàn kiểm tra hoặc trong quá trình giảng dạy giáo viên nhận thấy chưa phù hợp cần phải điều chỉnh ***(4.7.01-Quyết định và chương trình ban hành lần đầu; 4.7.02-Chương trình đào tạo được điều chỉnh năm 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Khi chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo, các khoa luôn cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành/nghề chuyên môn phụ trách, giúp HS-SV tiếp cận và thực hiện đạt yêu cầu ***(4.7.01-Quyết định và chương trình ban hành lần đầu; 4.7.02-Chương trình đào tạo được điều chỉnh năm 2020).*** Tuy nhiên, Trường chưa có điều kiện thực hiện tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: *0 điểm*

Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Quy chế đào tạo liên thông của trường, trong đó có quy định cụ thể quy trình tổ chức thực hiện, có quyết định đối với các mô đun/môn học, tín chỉ mà người học không phải học nhằm đảm bảo quyền lợi cho người học ***(2.16.03-Quy chế đào tạo liên thông ban hành kèm theo Quyết định số 77/QĐ-TCĐĐK ngày 23/2/2018 của Hiệu trưởng trường CĐĐK; 4.9.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông; 2.16.04-Chương trình đào tạo liên thông; 4.9.02-Phiếu đăng ký bảo lưu mô đun/môn học; 2.16.05-Kế hoạch tuyển sinh năm học 2020-2021).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Đề cương, giáo trình cho các mô đun/môn học của từng chương trình đào tạo theo giấy chứng nhận được TCDN, TCGDNN cấp đều do cán bộ, giáo viên chuyên môn nhà trường biên soạn để phục vụ cho hoạt động giảng dạy ***(1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 300/2017/GCNĐKHĐ-TCDN của TCDN; 1.2.02-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 99/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN; 2.5.03-Quyết định ban hành chương trình các ngành/ nghề năm 2017 đến 2020; 4.1.01-Chương trình đào tạo các ngành/nghề năm 2017 đến 2020; 4.10.01-Bản thống kê giáo trình các mô đun/môn học theo chương trình; 4.10.02-Giáo trình đào tạo các ngành/nghề)***. Hiện tại, giáo trình lưu hành nội bộ đang đươc các khoa tiến hành điều chỉnh chưa qua thẩm định cấp khoa, cấp trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Tiêu chuẩn 10 - Tiêu chí 4: Đạt

Dựa vào văn bản hướng dẫn của trường ban hành quy trình xây dựng, chỉnh sửa rà soát, cập nhật và ban hành chương trình, giáo trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, phê duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo, các khoa triển khai hướng dẫn cho giáo viên thực hiện xây dựng giáo trình theo chương trình đào tạo tín chỉ ***(4.10.01-Bản thống kê giáo trình các mô đun/môn học theo chương trình; 4.10.02-Giáo trình đào tạo các ngành/nghề)***.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Tất cả các giáo trình đào tạo của trường đều được cụ thể hóa từng chi tiết theo yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun/môn học trong chương trình đào tạo, giúp người học hiểu và biết nội dung, tính chất của mô đun/môn học để nghiên cứu, áp dụng vào học tập. Có 57/99 giảng viên, giáo viên hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 57,57% ***(1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 300/2017/GCNĐKHĐ-TCDN của TCDN; 1.2.02-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 99/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN; 2.5.03-Quyết định***

ban hành chương trình các ngành/nghề năm 2017 đến 2020; 4.10.01-Bản thống kê giáo trình các mô đun/môn học theo chương trình; 4.10.02-Giáo trình đào tạo các ngành/nghề).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực

Nội dung chi tiết của giáo trình các môn học/mô đun luôn được đảm bảo đầy đủ khối lượng kiến thức cần thiết theo chương trình môn học/mô đun để HS-SV nghiên cứu chuẩn bị trước khi lên lớp; có đầy đủ ví dụ, bài tập minh họa cụ thể cho từng vấn đề, nội dung của bài học, câu hỏi ôn tập, bài tập củng cố kiến thức; được trích dẫn và có hướng dẫn cụ thể về tài liệu tham khảo.

Giáo viên thực hiện phương pháp giảng dạy phù hợp cho từng đối tượng người học như nêu và giải quyết vấn đề; học theo nhóm; đàm thoại; làm bài tập nhóm; làm tiểu luận hoặc bài tập lớn; giao bài cho học sinh đọc và thảo luận, giáo viên hướng dẫn giải đáp; đánh giá theo năng lực người học, ... Trong quá trình biên soạn, nhóm tác giả luôn coi trọng mức độ đáp ứng của người học đối với kiến thức, kỹ năng, thái độ để có phương pháp dạy học tích cực, phù hợp với trình độ người học. Có 55/99 giảng viên, giáo viên hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 55,55%; 226/439 HS-SV đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 51,48% ***(2.1.02-Danh sách chương trình đào tạo các ngành/nghề và chuẩn đầu ra; 4.10.01-Bản thống kê giáo trình các mô đun/môn học theo chương trình; 4.10.02-Giáo trình đào tạo các ngành/nghề).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 4: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Các giáo trình khi điều chỉnh, bổ sung được trung tâm KT&KĐCLGDN phát phiếu khảo sát lấy ý kiến nhận xét của các giáo viên chuyên môn về nội dung kiến thức, mức độ phù hợp của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo, Tuy nhiên, do Thông tư hướng dẫn hàng năm có thay đổi, Trường đang thực hiện điều chỉnh giáo trình theo chương trình mới. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến của cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo trường chưa thực hiện đều các năm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 4: *0 điểm*

Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Các chương trình đào tạo sau khi được thẩm định, các khoa chuyên môn tiến hành thực hiện cập nhật nội dung trong giáo trình cho phù hợp với chương trình mới điều chỉnh. Hiện tại, Trường đang điều chỉnh giáo trình cho phù hợp với chương trình mới ***(4.7.01-Quyết định và chương trình ban hành lần đầu; 2.5.03-Quyết định ban hành chương trình các ngành/ nghề đã được đào tạo năm 2017 đến 2020; 4.7.02-Chương trình đào tạo được điều chỉnh năm 2020; 4.10.02-Giáo trình đào tạo các ngành/nghề).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 4: *01 điểm*

3.2.5. Tiêu chí 5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu

Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện là ba trong những yếu tố quan trọng đối với công tác đào tạo nghề và cũng là nền tảng để trường tồn tại. Tiền thân của trường là Trung tâm Dịch vụ việc làm, dần đi lên là trường CĐĐK nên cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện cũng cần phải song hành và ngang tầm.

Cơ sở vật chất của trường đảm bảo cho việc làm của CBNV, đảm bảo cho hoạt động giảng dạy của giáo viên và và đáp ứng điều kiện học tập của người học. Thiết bị đào tạo và thư viện của trường cơ bản đáp ứng được nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu và học tập của giáo viên và người học.

** Những điểm mạnh*

Trường có địa điểm phù hợp, thuận tiện về giao thông cho người học đến tham gia học tập tại trường; có các khu vực phục vụ hoạt động và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo

Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo; có thư viện để giáo viên, HS-SV đến tra cứu tài liệu; có sân thể thao để CBNV, HS-SV rèn luyện sức khỏe.

** Những tồn tại*

Giáo trình đang trong thời gian điều chỉnh (do mới thẩm định lại chương trình) nên chưa đảm bảo 05 bản in cho mỗi loại giáo trình theo yêu cầu của thư viện. Cơ sở 1 chưa có thư viện theo yêu cầu của tiêu chuẩn để phục vụ giáo viên và HS-SV.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Thực hiện thẩm định giáo trình cấp trường, đảm bảo 05 bản in cho mỗi loại giáo trình theo yêu cầu của thư viện. Thực hiện bố trí thư viện cơ sở 1 theo quy định để giáo viên, HS-SV đến nghiên cứu, tham khảo tài liệu.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	***12***
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	0
Tiêu chuẩn 14	0
Tiêu chuẩn 15	0

Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Trường CĐĐK được Bộ LĐTBXH ra quyết định thành lập ***(1.3.01-Quyết định số 937/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2008 của Bộ LĐTBXH về việc thành lập trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi; 1.3.02-Quyết định số 928/QĐ-LĐTBXH ngày 20/6/2017 của Bộ LĐTBXH về việc đổi tên trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi thành trường CĐĐK).***

Trường bao gồm 2 cơ sở và một phân hiệu, cơ sở 1 của trường nằm trên Quốc lộ 60, đối diện trường Chính trị tỉnh, gần nhà dân và các khu nhà trọ của dân cho HS-SV thuê ***(5.1.01-Bản đồ khu vực cơ sở 1 của trường).*** Vị trí trường nằm trong khu vực dân cư, cách xa khu công nghiệp thải ra chất độc hại, đảm bảo cho điều kiện làm việc, giảng dạy và học tập.

Cơ sở 2 của trường cách cơ sở 1 khoảng 10km, nằm trên Tỉnh lộ 885; diện tích 60.000m^2, nằm phía sau Khu lưu niệm nữ tướng Nguyễn Thị Định, trường Mẫu giáo Lương Hoà, trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Định và tiếp giáp với khu thực nghiệm Đồng Gò ***(5.1.02-Bản đồ khu vực cơ sở 2 của trường).*** Vị trí yên tĩnh, xung quanh là các trường học, Khu lưu niệm và cách xa khu công nghiệp thải ra chất độc hại nên cũng rất thuận lợi cho làm việc, giảng dạy và học tập.

Phân hiệu được xây dựng tại trung tâm thành phố theo Dự án Khối nhà đào tạo nghề Quản trị khách sạn được Tổng LĐLĐ Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số: 1365/QĐ-TLĐ ngày 10/10/2012 ***(5.1.03-Bản đồ khu vực phân hiệu của trường).*** Xung quanh phân hiệu là trường Mầm non Hoa Dừa, trường Tiểu học ABI, Trung tâm giáo dục thường xuyên của tỉnh, Trung tâm ngoại ngữ Cambridge, không có các khu công nghiệp thải ra chất độc hại. Thời gian qua do thiếu nguồn vốn, khối nhà này không thể tiếp tục xây dựng, hiện tại khối nhà đào tạo nghề Quản trị khách sạn đang chuẩn bị hồ sơ để bàn giao cho Văn phòng B - Tổng Liên đoàn quản lý sử dụng.

Các địa điểm của trường đều xây dựng phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ***(5.1.04-Quy hoạch phát triển tổng thể của trường trong mạng lưới quy hoạch tổng thể của địa phương)***; thuận tiện về điện, nước và phương tiện giao thông; đảm bảo yên tĩnh cho làm việc, giảng dạy và học tập. Có 55/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 52,38%; 245/439 HS-SV đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 55,8%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

Trường có tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu về giao thông, kiến trúc và môi trường sư phạm. Trường có tường rào kiên cố tách biệt với các khu vực liền kề bên ngoài và đảm bảo chỉ giới xây dựng; có diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định ***(5.2.01-Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường).***

- Diện tích đất sử dụng:

+ Cơ sở 1 diện tích 5.383,6 m^2, diện tích xây dựng là 2.484,9 m^2, là cơ sở chính với nhiều phòng chức năng, phòng học và nhà xưởng.

+ Cơ sở 2 nằm trên diện tích 60.000 m^2, diện tích xây dựng là 3.503.38 m^2, đây là nơi đặt Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe loại 1 của trường, ngoài ra còn có các dãy phòng học lý thuyết (04 tầng), khu ký túc xá (03 tầng) và nhiều dãy nhà xưởng, công trình khác.

+ Phân hiệu 2 với diện tích 838,2 m^2, diện tích xây dựng là 472,7 m^2, đây là khối nhà đào tạo nghề Quản trị khách sạn theo Đề án nghề trọng điểm cấp khu vực Asean, tuy nhiên đến nay chưa xây dựng xong do thiếu kinh phí.

- Về diện tích cây xanh: Cơ sở 1 và 2 đều đạt diện tích cây xanh từ 30% đến 40% theo Quyết định 3621/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2012 của Bộ Khoa học Công nghệ về công bố tiêu chuẩn Quốc gia, trong đó có tiêu chuẩn TCVN 9210: 2012 (Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế).

Có 54/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 51,42%; 259/439 HS-SV đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 59%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Trường có đủ các khu vực phục vụ nhu cầu đào tạo, tại cơ sở 1 với 06 phòng học lý thuyết, 05 phòng học chuyên môn và 04 xưởng thực hành đủ đảm bảo cho hoạt động giảng dạy các lớp thuộc ngành/nghề Quản trị mạng máy tính; Lập trình máy tính; Kỹ thuật phần cứng và mạng; Quản trị khách sạn; Nghiệp vụ lễ tân; Nghiệp vụ nhà hàng; Nghiệp vụ buồng, phòng; May thời trang; May công nghiệp; Cơ khí cắt gọt kim loại; Cơ khí, hàn, tiện, phay, bào và Hàn.

Cơ sở 2 với 12 phòng học lý thuyết, 05 hội trường, 03 phòng học chuyên môn, 06 xưởng thực hành đã đáp ứng cho hoạt động giảng dạy các lớp thuộc ngành/nghề Công nghệ ô tô; Sửa chữa ôtô; Sửa chữa xe gắn máy; Sửa chữa máy nổ; Điện công nghiệp; Điện tử công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK; Kỹ thuật sửa chữa điện lạnh; Điện cơ – điện dân dụng; Sửa chữa điện tử. Ngoài ra, còn có 01 sân thô đào tạo lái xe từ hạng A1 đến hạng E và 01 sân sát hạch với 10 hình thi tốt nghiệp và sát hạch lái xe dành cho hạng A1 trở lên.

Hai cơ sở của trường đều có khu rèn luyện thể chất, khu hành chính quản trị, thư viện, căn tin, nhà xe và khu vệ sinh, riêng Ký túc xá chỉ có ở cơ sở 2 của trường ***(5.2.01-Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường)***, có 62/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 59,04%; 256/439 HS-SV đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 58,3%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường đã đáp ứng được nhu cầu đào tạo, dịch vụ và sinh hoạt cho giáo viên, CBNV và người học. Khuôn viên trường khá rộng, các khu chức năng được xây dựng riêng biệt với các phòng học, xưởng thực hành; có đường giao thông nội bộ liên kết các khu làm việc, các phòng học, xưởng thực hành, thư viện, ký túc xá, trung tâm ĐT&SHLX,... ***(5.2.01-Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường; 5.4.01-Biên bản nghiệm thu);*** có hệ thống điện ***(5.4.02-Hợp đồng mua bán điện)***, hệ thống cấp nước chung cho khu học tập và sinh hoạt ***(5.4.03-Hóa đơn thu tiền nước)*** và xử lý nước thải, chất thải ***(5.4.04-Hóa đơn thu tiền rác).***

Các phòng làm việc, phòng học, xưởng thực hành đều thoáng mát; xưởng phay, bào, nguội có trang bị quạt thông gió để hút khí nóng. Hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo theo yêu cầu, có hệ thống chữa cháy, các bình chữa cháy, nội quy phòng cháy chữa cháy. Bình chữa cháy được trang bị ở các phòng làm việc, các dãy hành lang theo từng khu vực nhằm kịp thời ứng phó khi có tình huống; các bảng nội quy phòng cháy chữa cháy được gắn ở khu vực làm việc, khu vực nhà xưởng, nhà để xe,***...(5.4.05-Biên bản kiểm tra hệ thống phòng cháy, chữa cháy).***

Đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, nước; phòng làm việc, phòng học, xưởng thực hành và hệ thống phòng cháy chữa cháy,...thường xuyên được Tổ quản lý và sửa chữa tài sản ***(5.4.06-Bản đề nghị bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật năm 2017 đến 2020; 1.6.05-Báo cáo tổng kết năm 2017 đến 2020 của trường).*** Có 57/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 54,28%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa của trường bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành. Tổng diện tích các phòng học lý thuyết là 1.841,6m^2; các xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa có tổng diện tích là 1.910,6m^2; diện tích trung bình trên dưới 80m^2/phòng và sức chứa khoảng 40 HS-SV/phòng. Các hội trường có sức chứa từ 100 đến 500 chỗ.

Tại cơ sở 1, hệ thống phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn hóa được đặt ở tầng trệt và lầu 1; xưởng thực hành nằm phía sau dãy phòng học lý thuyết và trước cổng trường.

Cơ sở 2, hệ thống phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn hóa gồm tầng 1 đến 3 của dãy nhà 4 tầng, tầng 1 và 2 của Trung tâm ĐT&SHLX; xưởng thực hành nằm tầng trệt dãy nhà 4 tầng và hệ thống nhà xưởng riêng biệt

Các phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn hóa, hội trường và xưởng thực hành của trường đảm bảo theo quy định, đáp ứng được hoạt động đào tạo nhà trường. Có 59/99 giảng viên, giáo viên hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 59,59% ***(5.5.01-Danh mục thiết bị đào tạo các phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn hóa, hội trường và xưởng thực hành; 5.5.02-Báo cáo việc chấp hành pháp luật giáo dục nghề nghiệp số 73/BC-TCĐDK ngày 30/7/2018).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

Nhà trường có quy chế quản lý và sử dụng tài sản ***(5.6.01-Danh mục thiết bị đào tạo các ngành/nghề; 5.6.02-Quy chế quản lý và sử dụng tài sản ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-TCĐN ngày 21 /12/ 2016 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi)***, có Tổ quản lý tài sản & sửa chữa để quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định, đạt hiệu quả.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

Các phòng học, hội trường, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đều được sử dụng đúng công năng; có nội quy thực hiện cho từng phòng học, được quản lý, bảo dưỡng thường xuyên bảo đảm cho hoạt động giảng dạy đạt hiệu quả ***(5.6.02-Quy chế quản lý và sử dụng tài sản ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-TCĐN ngày 21/12/ 2016 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi; 5.5.02-Báo cáo việc chấp hành pháp luật giáo dục nghề nghiệp số 73/BC-TCĐĐK ngày 30/7/2018).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

Trong từng năm, nhà trường luôn cố gắng bổ sung thêm trang thiết bị để đáp ứng cơ bản cho việc dạy và học thực hành của nhà trường.

Đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ LĐTBXH quy định (Thông tư 39/2011/TT-BLĐTBXH ngày 26/ 12/ 2011 nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK; Thông tư 18/2012/TT-BLĐTBXH ngày 08/ 8/ 2012 nghề Điện tử công nghiệp; Thông tư 27/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12/ 11/ 2012 nghề Quản trị khách sạn, Lập trình máy tính; Thông tư 06/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/ 02/ 2015 nghề Quản trị mạng máy tính; … cơ bản Trường đảm bảo ***(5.6.01-Danh mục thiết bị đào tạo các ngành/nghề; 5.8.01-Hồ sơ thiết bị các ngành/nghề; 5.8.02-Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ LĐTBXH ban hành; 5.8.03-Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong chương trình đào tạo; 5.8.04-Báo cáo kiểm kê tài sản năm 2017 đến 2020; 3.5.02-Danh sách HS-SV học lý thuyết; 3.5.03- Danh sách HS-SV học thực hành; 5.8.05-Kế hoạch giảng dạy hàng tuần từ năm 2017 đến 2020; 3.3.03-Biên bản làm việc số 08-BB-TTr ngày 30/7/2018 của Đoàn thanh tra Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về thanh tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp đối với trường CĐĐK).*** Từ năm 2018 đến năm 2020, nhà trường đã được Tổng LĐLĐ Việt Nam phân bổ kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy nghề từ Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – việc làm và An toàn lao động 10 tỷ đồng với các nghề Công nghệ ôtô, Cơ khí Cắt gọt kim loại, Điện công nghiệp, Quản trị mạng ***(5.8.06-Quyết định số 266/QĐ-TLĐ ngày 29/01/2018 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước 2018; 5.8.07-Quyết định số 2127/QĐ-TLĐ ngày 28/12/2018 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước 2019; 5.8.08-Quyết định số 1846/QĐ-TLĐ ngày 25/12/2019 về việc giao dự toán ngân sách***

nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – việc làm và An toàn lao động 2020).

Cuối năm 2020, Trường được Tổng Liên đoàn phê duyệt chấp nhận cho trường tiếp nhận các thiết bị nghề Điện công nghiệp, Điện lạnh, Điện tử, Điện dân dụng từ trường Trung cấp Kinh tế kỹ thuật công đoàn An Giang ***(5.8.09-Tờ trình số 56/TTr-TCĐĐK ngày 25/9/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Đồng Khởi về việc xin tiếp nhận thiết bị từ trường Trung cấp Kinh tế kỹ thuật công đoàn An Giang; 5.8.10-Công văn số 1257- TLĐ ngày 16/11/2020 của Tổng Liên đoàn về việc xử lý tài sản đấu giá không thành thiết bị dạy nghề của trường Trung cấp Kinh tế kỹ thuật công đoàn An Giang)***. Các thiết bị này sẽ hỗ trợ giúp trường giảm bớt khó khăn về thiết bị giảng dạy ngành/nghề Điện của trường. Có 59/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý thiết bị hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 56,19%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo cho phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn hóa được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại.

Các xưởng thực hành được thiết kế và bố trí hợp lý theo từng nghề, từng chủng loại. Mỗi ngành/nghề đều có xưởng riêng: Phòng máy CNC, xưởng Tiện, xưởng Hàn, xưởng Nguội, Phay, Bào dành cho ngành/nghề Cơ khí cắt gọt kim loại; xưởng Ôtô thuộc ngành/nghề Công nghệ ôtô; xưởng May thuộc ngành/nghề May thời trang, May công nghiệp và các xưởng Điện công nghiệp, xưởng Điện tử, xưởng Điện lạnh. Mỗi xưởng đều có trang bị tủ, hộp đựng đồ nghề, dụng cụ; có hệ thống biển hiệu theo quy chuẩn, hệ thống chiếu sáng, đảm bảo an toàn, khoảng cách thuận tiện cho việc đi lại, vận hành ***(5.9.01-Hình ảnh thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo tại các xưởng; 5.9.02-Hồ sơ thiết kế, lắp đặt; 5.9.03-Hồ sơ quản lý thiết bị, dụng cụ).***

Tất cả thiết bị, dụng cụ đều được vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp và vệ sinh môi trường. Có 310/439 HS-SV đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 70,6%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Tiêu chuẩn 5.6 – Đạt

Quy chế quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của trường, tại Mục 2, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 có quy định rõ về định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo sau khi có báo cáo kết quả kiểm kê tài sản hàng năm.

Sau kiểm kê, tổ quản lý tài sản & sửa chữa lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thanh lý theo quy định ***(5.6.02-Quy chế quản lý và sử dụng tài sản ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-TCĐN ngày 21 /12/2016 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi)***.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 5: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Tiêu chuẩn 5.10 – Đạt

Tại Điều 11 của Quy chế quản lý và sử dụng tài sản nhà trường cũng quy định đơn vị, cá nhân theo dõi quản lý tài sản phải có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định ***(5.6.01-Danh mục thiết bị đào tạo các ngành/nghề; 5.8.01-Hồ sơ thiết bị các ngành/nghề; 5.8.04-Báo cáo kiểm kê tài sản năm 2017 đến 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 5: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Quy định về định mức tiêu hao vật tư trong chi mua hàng hóa, vật tư và trang thiết bị kỹ thuật dùng cho chuyên môn, chuyên dụng trong quy chế chi tiêu nội bộ ***(1.3.07-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017 đến 2020);*** về quy trình mua sắm, quản lý vật tư thực hành và sản phẩm sau thực hành của HS-SV ***(5.12.01-Quy định về quy trình mua sắm, quản lý vật tư thực hành và sản phẩm sau thực hành của HS-SV ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-TCĐN ngày 02/3/2016 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi);*** về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo ***(5.12.02-Hệ thống sổ sách theo dõi quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo năm 2017 đến 2020; 5.12.03-Bản đề nghị vật tư thực hành của các khoa theo từng học kỳ năm 2017 đến 2020).*** Tiêu chuẩn này có 49/99 giảng viên, giáo viên hài lòng, đạt 49,49%; 245/439 HS-SV đánh giá tốt việc nhà trường cấp phát kịp thời vật tư phục vụ mô đun/môn học, đạt 55,8%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 5: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

Thư viện nhà trường được đặt tại cơ sở 2 có diện tích là 102,5m^2 bao gồm phòng đọc và phòng lưu trữ. Thư viện có đủ chương trình đã được phê duyệt, riêng giáo trình đang trong thời gian điều chỉnh do mới thẩm định lại chương trình nên chưa đảm bảo 05 bản in cho mỗi loại giáo trình theo yêu cầu.

Cơ sở 1 chưa có thư viện riêng đúng theo yêu cầu của tiêu chuẩn, hiện tại cơ sở 1 của trường đang tiến hành cải tạo và xây dựng mới các hạng mục công trình phục vụ đào tạo nghề, khi hoàn thành sẽ có phòng thư viện để phục vụ cho CBNV, giảng viên, giáo viên và người học ***(1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 300/2017/GCNĐKHĐ-TCDN của TCDN; 1.2.02-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 99/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN; 5.13.01-Quy định tổ chức hoạt động của thư viện; 5.13.02-Danh sách giáo trình được phê duyệt; 5.13.03-Bản thống kê số lượng giáo trình tại thư viện).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 5: *0 điểm*

Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

Cơ sở 1 chưa có thư viện theo yêu cầu của tiêu chuẩn, Thư viện tại cơ sở 2, công tác tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ được đảm bảo, có phòng đọc thoáng mát, gần khu ký túc xá của trường nên thuận tiện cho cán bộ, giảng viên, giáo viên và người học đến tra cứu và tham khảo ***(5.14.01-Báo cáo tổng kết năm phòng Công tác HS-SV năm 2017 đến 2020; 5.14.02-Báo cáo hoạt động của thư viện năm 2017 đến 2020)***. Có 44/105 giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 41,9%; 255/439 HS-SV đánh giá tốt về tiêu chuẩn này đạt 58,08%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 5: *0 điểm*

Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Cơ sở 1 chưa có thư viện theo yêu cầu của tiêu chuẩn, thư viện cơ sở 2 có phòng đọc, phòng lưu trữ và thư viện điện tử. Hiện tại, HS-SV ít đến thư viện trường để tra cứu, truy cập thông tin, việc tra cứu, truy cập thông tin giữa giáo viên với người học đa phần sử dụng mạng cá nhân hoặc roup chung của lớp.

Các giáo trình, tài liệu tham khảo đều được quản thư số hóa để phục vụ cho hoạt động đào tạo ***(5.15.01-Bản kê danh mục thiết bị, máy tính tại thư viện; 5.15.02-Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu; 5.15.03-Danh mục tài liệu điện tử; 5.15.04-Danh mục giáo trình của trường được số hóa; 5.15.05-Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa; 5.14.02-Báo cáo hoạt động của thư viện năm 2017 đến 2020)***. Có 42/99 giảng viên, giáo viên hài lòng về tiêu chuẩn này đạt 42,42%; 265/439 HS-SV đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 60,36%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 5: *0 điểm*

3.2.6. Tiêu chí 6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Mở đầu

Trường có phòng NCUD&CGKHCN để tổ chức và quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học. Hàng năm thực hiện xây dựng kế hoạch nghiên cứu các đề tài, sáng kiến; hợp tác tổ chức các sự kiện: Hội nghị, hội thảo,...theo khuôn khổ quy định của pháp luật.

** Những điểm mạnh*

Trường có quy định, chính sách về NCUD&CGKHCN, hàng năm đều có các sáng kiến cấp trường và các đề tài luận văn Thạc sỹ của CBNV, giảng viên, giáo viên nhà trường.

** Những tồn tại*

Công tác nghiên cứu khoa học chưa được đăng ký đều khắp ở các phòng, khoa, trung tâm và HS-SV nhà trường.

Trường chưa có nhiều bài báo, ấn phẩm của giảng viên, giáo viên, CBNV đăng trên các báo, tạp chí, các ấn phẩm khoa học quốc tế, trung ương và địa phương liên tục hàng năm; chưa tổ chức các cuộc hội thảo khoa học để thu hút sự tham gia của CBNV, giảng viên, giáo viên, HS-SV nhà trường.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học cấp HS-SV, hoạt động hợp tác quốc tế để hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế ngày càng nâng tầm và đạt chất lượng.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	***4***
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1

Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích CBNV, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ ***(6.1.01-Quy định định mức chi cho các hoạt động NCUD&CGKHCN của trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi ban hành kèm theo Quyết định số 257/QĐ-TCĐN ngày 20/4/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi; 3.4.01-Quy định chế độ làm việc của nhà giáo trường CĐĐK ban hành kèm theo Quyết định số 782/QĐ-TCĐĐK ngày 08/12/2017 của Hiệu trưởng trường CĐĐK; 6.1.02-Biên bản duyệt kinh phí).*** Các luận văn Thạc sỹ, các sáng kiến được công nhận là một trong các tiêu chuẩn để xét danh hiệu thi đua cuối năm ***(6.1.03-Hướng dẫn đánh giá xếp loại công chức, viên chức và xét thi đua từ năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020)*** và xét nâng lương trước hạn ***(6.1.04-Quy chế xét nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, viên chức trường CĐĐK ban hành kèm theo Quyết định số 517/QĐ-TCĐĐK ngày 03/10/2019 của Hiệu trưởng trường CĐĐK).***

Để công tác nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả, Trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn cho cán bộ, giáo viên về viết báo cáo sáng kiến, thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học,...để giáo viên, CBNV nhà trường nghiên cứu, đăng ký đề tài, sáng kiến ***(6.1.05-Hồ sơ các sáng kiến cải tiến năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020; 6.1.06-Các luận văn thạc sỹ từ năm 2017 đến 2020)***. Ngoài ra, các giáo viên nhà trường còn tham gia viết bài đăng trên các Tạp chí Công nghệ nông thôn ***(6.1.07-Tạp chí Công nghệ nông thôn số 25/2017);*** tham dự Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm ***(6.1.08-Quyết định khen thưởng Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp tỉnh, toàn quốc),....*** Có 49/113 giảng viên, giáo viên, CBNV hài lòng về tiêu chuẩn này, đạt 43,36%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).

Hàng năm, trường đều có sáng kiến phục vụ cho các hoạt động đào tạo của trường.

Năm học 2017-2018, Trường có 05 đề tài Thạc sỹ, 7/8 sáng kiến kinh nghiệm được Hội đồng Khoa học nhà trường tổ chức đánh giá, chấm điểm, nghiệm thu và công nhận.

Năm học 2018-2019, Trường tiếp tục xây dựng và triển khai kế hoạch nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Kết quả có 8 sáng kiến kinh nghiệm của 20 tác giả và đồng tác giả được Hội đồng Khoa học nhà trường tổ chức đánh giá, chấm điểm, nghiệm thu và công nhận; 04 sáng kiến làm đồ dùng dạy học tham gia Hội thi thiết bị đồ dùng dạy học cấp tỉnh đạt 01 giải nhất (Điện công nghiệp), 01 giải ba (Quản trị mạng máy tính) và 02 giải khuyến khích (May + Cơ khí cắt gọt kim loại) ***(6.2.01-Hồ sơ thuyết minh các thiết bị dạy nghề tự làm cấp tỉnh; 6.2.02-Giấy chứng nhận, giấy khen của Sở LĐTBXH Bến Tre cấp cho 04 thiết bị dự thi Hội thi thiết bị đào tạo tự làm tỉnh Bến Tre đạt giải cấp tỉnh năm 2019)***; được Tỉnh chọn 03 mô hình tham dự Hội thi thiết bị đồ dùng dạy học cấp toàn quốc, đạt 02 giải ba, 01 giải khuyến khích và giải nhất toàn đoàn ***(6.2.03-Hồ sơ thuyết minh các thiết bị dạy nghề tự làm cấp toàn quốc; 6.2.04-Quyết định số 1295/QĐ-LĐTBXH ngày 12/9/2019 của Bộ LĐTBXH về việc tặng bằng khen Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp toàn quốc lần thứ VI).***

Năm học 2019-2020, Trường có 7 sáng kiến kinh nghiệm của 20 tác giả và đồng tác giả được Hội đồng Khoa học nhà trường tổ chức đánh giá, chấm điểm, nghiệm thu và công nhận ***(6.1.05-Hồ sơ các sáng kiến cải tiến năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020).*** Các sáng kiến kinh nghiệm đều phục vụ cho công tác quản lý và đào tạo của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Năm 2017, Trường có 01 giáo viên tham gia viết bài ***"Thiết kế chế tạo và thực nghiệm sàng rung than bùn làm nguyên liệu sản xuất phân vi sinh"*** của PGS.TS.Lê Anh Đức (trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh) và KS.Ngô Minh An (trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi Bến Tre) được đăng trên Tạp chí Công nghệ nông thôn số 25/2017 thuộc Hội cơ khí Nông nghiệp Việt Nam (từ trang 2 đến trang 8) ***(6.3.01-Giấy xác nhận số 06/TCCNNT ngày 15/3/2017 của Tổng biên tập Tạp chí Công nghệ nông thôn; 6.1.07-Tạp chí Công nghệ nông thôn số 25/2017)***.

Theo tiêu chuẩn hàng năm, trường có ít nhất 03 bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế nhưng trường chỉ thực hiện được trong năm 2017.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: *0 điểm*

Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

Tất cả các sáng kiến kinh nghiệm được nghiệm thu năm học 2017-2018 đến 2019-2020 đều ứng dụng vào thực tiễn trong các hoạt động của nhà trường như: Xây dựng, rà soát chương trình đào tạo; các mô hình, thiết bị, đồ dùng trong giảng dạy, học tập; phần mềm ứng dụng quản lý thu-chi; .... ***(6.1.05-Hồ sơ các sáng kiến cải tiến năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020; (6.4.01-Quyết định công nhận sáng kiến kinh nghiệm cấp trường năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Năm 2017, được sự giới thiệu và ủng hộ của UBND, Sở LĐTBXH tỉnh Bến Tre, nhà trường đã ký Biên bản ghi nhớ hợp tác trong đào tạo và trao đổi sinh viên với trường Đại học Seajeong – Hàn Quốc ***(6.5.01-Biên bản ghi nhớ hợp tác trong đào tạo và trao đổi sinh viên với trường Cao đẳng Seojeong – Hàn Quốc)***.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 6: *01 điểm*

3.2.7. Tiêu chí 7. Quản lý tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu

Quản lý tài chính là sự theo dõi, phản ánh trung thực đầy đủ, kịp thời nguồn kinh phí, doanh thu, tài sản của trường theo chế độ quản lý tài chính hiện hành. Thực hiện quản lý tài chính, tài sản là quá trình cập nhật theo dõi phản ánh chi phí các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo quan hệ đối ứng thể hiện qua chứng từ, sổ sách kế toán theo qui định.

Phòng Tài vụ nhà trường quản lý kế toán chuyên trách, đảm nhận công tác chuyên môn nghiệp vụ kế toán hành chính sự nghiệp, có trách nhiệm tham mưu cho Ban giám hiệu về chấp hành pháp luật nhà nước về quản lý tài chính, tài sản. Hàng năm, thực hiện phân bổ kinh phí cho các hoạt động đào tạo; dự toán thu, chi ngân sách theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ và các hoạt động khác theo quy định.

* *Những điểm mạnh*

Công tác quản lý tài chính được Trường thực hiện đúng theo các quy định của nhà nước. Các nguồn thu được phân bổ, hạch toán đúng mục đích, đúng chế độ và được công bố công khai, minh bạch theo quy định.

Hàng năm có kế hoạch tài chính rõ ràng, cụ thể, đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn tài chính; quản lý thu chi, mua sắm tài sản, trang thiết bị vật tư thực hành, thực tập minh bạch, đầy đủ và chính xác; công tác tự kiểm tra, kiểm toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán được thực hiện đúng quy định.

* *Những tồn tại*

Nguồn kinh phí hoạt động của trường chủ yếu cân đối từ nguồn thu hoạt động của trường nên công tác đầu tư mua sắm trang thiết bị, hoạt động chi và điều hành kinh phí hoạt động còn gặp nhiều khó khăn.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Thực hiện thanh quyết toán kịp thời và đúng quy định để đảm bảo nguồn kinh phí hoạt động của nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	***6***
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

Công tác quản lý và sử dụng, thanh quyết toán về tài chính thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định Nhà nước về quản lý tài chính của trường. Quy chế chi tiêu nội bộ thể hiện tính thống nhất về quản lý tài chính trong toàn trường, đưa ra các định mức thu, chi tài chính cho các hoạt động thường xuyên, hoạt động khen thưởng và các hoạt động khác,... ***(1.3.06-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017 đến 2020).***

Công tác thu chi tài chính được thực hiện đúng mục đích, đúng quy định và được công bố công khai, minh bạch trong các buổi họp báo tháng, Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và niêm yết tại bảng thông báo của trường ***(7.1.01-Bản công khai tài chính hàng tháng từ năm 2017 đến 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

Công tác quản lý tài chính và sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, kinh doanh, dịch vụ của trường được thực hiện đúng mục đích, đúng quy định; có hợp đồng, chứng từ, sổ sách rõ ràng, thực hiện đầy đủ các quy định của Cục thuế về các dịch vụ phát sinh ***(7.2.01-Danh mục các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, kinh doanh, dịch vụ năm 2017 đến 2020; 7.2.02-Hồ sơ, sổ sách quản lý các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, kinh doanh, dịch vụ năm 2017 đến 2020; 7.2.03-Báo cáo tài chính năm 2017 đến 2020; 7.2.04-Báo cáo quyết toán năm 2017 đến 2019).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo hàng năm, Trường xây dựng dự toán tài chính cho các hoạt động dựa vào nguồn lực tài chính của trường. Nguồn lực tài chính của trường bao gồm thu từ ngân sách Nhà nước cấp; thu học phí, lệ phí; liên kết đào tạo; cho thuê xe sát hạch,.... Từ đầu năm cho đến giữa năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid 19, trường gặp khó khăn về kinh phí, một số chi tiêu đều phải cắt giảm bớt. Đến giữa năm, các hoạt động đã đi vào ổn định nên hoạt động tài chính nhà trường cơ bản đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường ***(7.3.01-Kế hoạch dự toán tài chính của trường năm 2017 đến 2020; 7.2.03-Báo cáo tài chính năm 2017 đến 2019; 7.2.04-Báo cáo quyết toán năm 2017 đến 2019; 7.3.02-Biên bản xét duyệt quyết toán).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

Trường thực hiện quản lý tài chính đúng quy định, chứng từ sổ sách rõ ràng, chi trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ và được ký duyệt của Hiệu trưởng theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Các chứng từ thu chi phát sinh theo ngày, báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo đối chiếu, quyết toán các nguồn ngân sách cấp,... rõ ràng, đầy đủ, đúng quy định ***(7.4.01-Hồ sơ, sổ sách quản lý tài chính năm 2017 đến 2020; 7.2.03-Báo cáo tài chính năm 2017 đến 2019; 7.2.04-Báo cáo quyết toán năm 2017 đến 2019; 7.3.02-Biên bản xét duyệt quyết toán).***

Ngoài ra, phòng Tài vụ nhà trường thường xuyên liên hệ với Ban Tài chính LĐLĐ tỉnh trong việc xin ý kiến, hướng dẫn phòng thực hiện các quy định, chính sách và công tác quản lý tài chính của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Định kỳ hàng tháng, quý, phòng Tài vụ tiến hành tự kiểm tra tài chính trong nội bộ như kiểm quỹ, kiểm tra, lưu trữ chứng từ, sổ sách trong hoạt động tài chính nhằm kịp thời khắc phục những tồn tại trong quản lý ***(7.5.01-Kế hoạch tự kiểm tra tài chính năm 2017 đến 2020; 7.5.02-Báo cáo kết quả thực hiện tự kiểm tra tài chính năm 2017 đến 2020).***

Hàng năm, Trường thực hiện báo cáo tài chính với cơ quan LĐLĐ tỉnh, Tổng LĐLĐ Việt Nam ***(7.2.03-Báo cáo tài chính năm 2017 đến 2019)***; báo cáo quyết toán thuế với cơ quan Thuế để kiểm tra, kiểm soát tài chính của trường ***(7.2.04-Báo cáo quyết toán năm 2017 đến 2019)***; đối chiếu tình hình sử dụng vốn ngân sách với Kho bạc tỉnh Bến Tre ***(7.5.03-Bảng đối chiếu vốn với kho bạc năm 2017 đến 2019).***

Định kỳ, phòng Tài vụ thực hiện công khai tài chính trong các buổi họp báo tháng, Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và được dán trên bảng thông báo của trường. Công tác xử lý, khắc phục các vấn đề còn vướng mắc trong thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền được trường điều chỉnh kịp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

Trường đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường thông qua báo cáo tài chính hàng năm với cơ quan LĐLĐ tỉnh, Tổng LĐLĐ Việt Nam ***(7.2.03-Báo cáo tài chính năm 2017 đến 2019)***; báo cáo quyết toán thuế với cơ quan Thuế; đối chiếu tình hình sử dụng vốn ngân sách với Kho bạc tỉnh Bến Tre.

Hàng năm, lãnh đạo phòng Tài vụ thông báo công khai các hoạt động thu chi của nhà trường trong Hội nghị cán bộ công chức, viên chức và người lao động. Trong từng năm, nguồn tài chính của trường được quản lý và phân bổ hợp lý rõ ràng đúng mục đích, đúng quy định; chi tiêu đạt hiệu quả trên tinh thần tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu hoạt động và phát triển của trường ***(1.6.05-Báo cáo tổng kết năm 2017 đến 2020 của trường).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: *01 điểm*

3.2.8. Tiêu chí 8. Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:

Mở đầu

Dịch vụ người học là việc đảm bảo chỗ ăn, chỗ ở và các tiện nghi học tập, sinh hoạt nghỉ ngơi của HS-SV; được cung cấp các thông tin về kế hoạch, quy chế, nội quy, quy định đào tạo; được tư vấn nghề nghiệp, việc làm và trợ giúp giới thiệu việc làm; được hưởng các chế độ ưu đãi theo quy định khi đến tham gia học tập tại trường. Các hoạt

động liên quan đến người học luôn được nhà trường quan tâm, tổ chức triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống. Các tân HS-SV khi vào học sẽ được cung cấp các thông tin về kế hoạch, nội quy, quy chế, quy định đào tạo; được đảm bảo chỗ ăn, chỗ ở và các tiện nghi học tập, sinh hoạt nghỉ ngơi của HS-SV; được tham gia công tác Đoàn và các hoạt động xã hội khác; được tư vấn nghề nghiệp, việc làm và trợ giúp giới thiệu việc làm trong thời gian học và khi ra trường; được hiểu biết về các chế độ ưu đãi theo quy định khi tham gia học tập tại trường,....

** Những điểm mạnh*

Trường được các Công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh (gọi chung là doanh nghiệp) ký Biên bản ghi nhớ với trường về tiếp nhận HS-SV thực tập, bố trí việc làm cho HS-SV sau tốt nghiệp. Các doanh nghiệp có nhu cầu về lao động và học sinh, sinh viên thực tập tìm đến trường đặt hàng đào tạo và tuyển dụng với nhiều chính sách đãi ngộ uy tín, đảm bảo cho quyền và lợi ích của HS-SV khi vào làm việc.

Có Khu nội trú được trang bị đầy đủ tiện nghi, môi trường sống an ninh, trật tự; có sân thể thao; có dịch vụ chăm sóc sức khoẻ cho người học; có căng tin phục vụ ăn uống cho CBNV, giáo viên và HS-SV đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh; hằng năm có nhiều hoạt động vui chơi để các em rèn luyện, thể hiện tài năng tạo môi trường học tập tốt.

** Những tồn tại*

Cơ sở 1 của trường không có Ký túc xá, HS-SV của trường mặc dù được trường ký hợp đồng với các khu nội trú xung quanh, có mô hình HS-SV tự phòng, tự quản nhưng khó có thể quản lý sát, bao quát được toàn diện.

Trường thiếu lấy ý kiến người tốt nghiệp đã đi làm về việc Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng kịp thời; về người học được tạo điều kiện hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ,...; tư vấn việc làm sau tốt nghiệp và việc được tiếp xúc với các nhà tuyển dụng trong hội chợ việc làm.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tăng cường liên lạc, kết hợp chặt chẽ cùng chủ nhà trọ để nắm bắt kịp thời tình hình HS-SV ở trọ.

Điểm đánh giá tiêu chí 8

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	***9***
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1

Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều

kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

Đầu năm học mới, phòng Công tác HS-SV xây dựng Kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu khóa cho các tân HS-SV mới vào trường, cung cấp đầy đủ thông tin thông qua Sổ tay sinh viên về các quy định, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017; Quy chế công tác HS-SV theo Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTHXH ngày 30/6/2017 của Bộ LĐTBXH ***(8.1.01-Sổ tay sinh viên học sinh năm 2017 đến 2019; 1.3.10-Quy chế kiểm tra kết thúc môn, thi, xét công nhận tốt nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 708/QĐ-TCĐĐK ngày 01/11/2017 của Hiệu trưởng trường CĐĐK)***; Quy định 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27/9/2007 về tín dụng đối với HS-SV; quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 02/10/2015; Chế độ chính sách nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/10/2015; Đoàn trường triển khai Chương trình hoạt động năm cùng với các kế hoạch, hội thi cũng như tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ tìm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường.

Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp với các cơ quan trong tỉnh để sinh hoạt cho HS-SV về chăm sóc sức khỏe sinh sản Thanh niên-Vị thành niên do Chi cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình thành phố Bến Tre thực hiện; Công tác bảo vệ an ninh trật tự an toàn xã hội, an ninh trường học; giáo dục về chủ quyền biển đảo, ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức lối sống, truyền thống văn hóa lòng tự hào dân tộc…do phòng Bảo vệ chính trị nội bộ Công an tỉnh thực hiện. Có 285/439 HS-SV đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 64,9%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 8: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 8.2: **Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.**

Nhà trường luôn điều kiện thuận lợi nhất cho các em trong quá trình học tập, đặc biệt là áp dụng các chế độ chính sách để hỗ trợ cho HS-SV. HS-SV khi tham gia học tập tại trường được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định như chế độ miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 02/10/2015 quy định về chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với các lớp trung cấp, cao đẳng Cơ khí cắt gọt kim loại và con thương binh; được hỗ trợ vay vốn theo Quy định 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27/9/2007 về tín dụng đối với HS-SV; chế độ chính sách nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/10/2015.

Ngoài ra, đối với những HS-SV có sổ nghèo, cận nghèo, hoàn cảnh khó khăn, các em sẽ được nhà trường xin các đơn vị, mạnh thường quân tài trợ các suất học bổng theo từng năm học; HS-SV nhà trường được thăm hỏi khi ốm đau bệnh tật hoặc tai nạn ***(8.2.01-Danh sách và hồ sơ HS-SV được hưởng các chế độ, chính sách theo Nghị định, quy định, quyết định, quỹ hỗ trợ HS-SV; 1.6.05-Báo cáo tổng kết năm 2017 đến 2020 của trường).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 8: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 8.3: **Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập**

Căn cứ Thông tư 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2018 của Bộ LĐTBXH về Công tác HS-SV, các HS-SV của trường được hưởng đầy đủ chế độ khen thưởng và

khuyến khích kịp thời theo quy định trên cơ sở kết quả học tập và rèn luyện của từng năm học, khóa học ***(1.3.07-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017 đến 2020; 8.3.01-Danh sách HS-SV được khen thưởng năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020).***

Ban giám hiệu nhà trường luôn quan tâm đến HS-SV gặp khó khăn, tạo điều kiện cho các em có thể đóng học phí từng phần, đồng thời xây dựng quỹ khuyến học nhằm để hỗ trợ học phí cho các em trong điều kiện cần thiết nhất. Những HS-SV thuộc hộ nghèo, cận nghèo được nhà trường cấp học bổng hàng năm bằng nguồn quy động từ các doanh nghiệp. Có 315/439 HS-SV nhà trường đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 71,75%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 8: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

HS-SV đến tham gia học tập tại trường đều được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân; được tham gia các hoạt động Đoàn, Hội, các hoạt động xã hội, giao lưu thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ; được bố trí ở Ký túc xá khi có nhu cầu. Trường luôn tạo điều kiện cho các em có được môi trường giáo dục lành mạnh để an tâm học tập và rèn luyện ***(2.3.03-Thông báo tuyển sinh năm 2017 đến 2020; 8.4.01-Nội quy Ký túc xá; 1.6.05-Báo cáo tổng kết năm 2017 đến 2020 của trường).*** Có 265/439 HS-SV nhà trường đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 60,36%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 8: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Nhà trường có khu Kí túc xá tại cơ sở 2 cho các em lưu trú. Kí túc xá nhà trường được xây dựng có 3 tầng, diện tích 3.342m^2 với 43 phòng, sức chứa khoảng 270 HS-SV, trung bình mỗi phòng có từ 6 đến 8 HS-SV tạm trú. Bên trong mỗi phòng có giường, tủ, bàn, quạt; nhà tắm giặt, vệ sinh; sân phơi khép kín trong phòng. Hệ thống điện, nước đầy đủ, an toàn đảm bảo cho sinh hoạt và học tập của người học ***(8.5.01-Báo cáo đánh giá ký túc xá năm 2017 đến 2020).***

Cơ sở 1 của trường diện tích nhỏ hẹp (5.383.6m^2), không đủ để xây dựng Ký túc xá. Do đó, Trường đã xây dựng mô hình tự phòng tự quản, kí kết hợp đồng với các nhà trọ bên ngoài để HS-SV tạm trú, đáp ứng nhu cầu đi lại học tập của người học. Có 275/439 HS-SV đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 62,64%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 8: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Trường có phòng y tế, có nhân viên chuyên trách để phục vụ cho công tác y tế nên việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho HS-SV được thực hiện kịp thời như đau ốm nhẹ hoặc bị thương trong quá trình thực hành xưởng; trường hợp bệnh nặng, các em được sơ cứu trước khi đến bệnh viện. Phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc và các dụng cụ sơ cấp cứu đảm bảo cho việc chăm sóc sức khoẻ toàn trường ***(8.6.01-Danh mục các thiết bị y tế; 8.6.02-Báo cáo đánh giá công tác y tế của trường năm 2017 đến 2020).***

Cơ sở 1 và cơ sở 2 của nhà trường đều có căn tin phục vụ ăn uống cho giáo viên và người học, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Có 225/439 HS-SV nhà trường đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 51,25%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 8: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường

Hằng năm, Đoàn trường tổ chức các Hội thi văn nghệ và thể dục thể thao để các em có dịp giao lưu học tập lẫn nhau; tổ chức các hoạt động xã hội như về nguồn, tham gia mùa hè xanh, hoạt động đền ơn đáp nghĩa, thắp nến tri ân.... ***(1.10.08-Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học năm học 2016-2017 đến năm học 2018-2019)***.

Để tạo điều kiện cho HS-SV hoạt động, tập luyện thể dục thể thao, nhà trường có trang bị sân cầu lông (cơ sở 1 và 2), bóng chuyền (sân Ký túc xá), bóng bàn (sảnh cơ sở 1 và Ký túc xá) để HS-SV vui chơi giải trí. Hội trường 500 chỗ của trường cũng là nơi để các em luyện tập, tổ chức các hoạt động giao lưu văn nghệ và các phong trào thể dục thể thao, đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường. Được Ban thanh niên Công an tỉnh tuyên truyền về ngăn ngừa, cảnh giác và phòng chống tội phạm đảm bảo anh ninh trật tự trong trường học.

Trường có đội tự vệ cơ quan luôn đảm bảo an toàn cho HS-SV nhà trường ***(8.7.01-Quyết định thành lập đội tự vệ cơ quan)***, có Tổ bảo vệ ***(8.7.02-Quyết định thành lập Tổ bảo vệ cơ quan)*** và Công an quân sự xã Lương Hòa - huyện Giồng Trôm, Công an quân sự phường Phú Tân - thành phố Bến Tre ***(8.7.03-Kế hoạch phối hợp giữa Trường với Công an quân sự xã, phường về an ninh trật tự trong trường năm 2017 và những năm tiếp theo)*** cùng phối hợp thực hiện công tác an ninh trật tự trong trường. Có 350/439 HS-SV nhà trường đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 79,72%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 8: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Nhà trường có Trung tâm TS, GTVL&QHDN trực thuộc làm nhiệm vụ tư vấn, giới thiệu việc làm, cung cấp thông tin về nghề nghiệp và thị trường lao động của các công ty, doanh nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp trong và ngoài nước cho người học sau tốt nghiệp và người lao động tìm việc.

Trong thời gian học tập tại trường và sau khi tốt nghiệp ra trường, Trung tâm thường xuyên tư vấn, cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, việc làm và thị trường lao động ***(8.8.01-Kế hoạch tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2017 đến 2020; 8.8.02-Thông tin tuyển sinh năm 2017 đến 2020; 8.8.03-Sổ đăng ký tuyển dụng; 8.8.04-Báo cáo năm trung tâm TS, GTVL&QHDN năm 2017 đến 2020; 1.6.05-Báo cáo tổng kết năm 2017 đến 2020 của trường);*** công bố rộng rãi các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh trên website của trường.

Trường xúc tiến ký kết với doanh nghiệp các Biên bản ghi nhớ hợp tác, trong đó có thực tập thực tế tại doanh nghiệp. Các doanh nghiệp ưu tiên nhận HS-SV sau khi tốt nghiệp thông qua việc cho HS-SV gặp gỡ tiếp xúc với doanh nghiệp trong buổi Lễ Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp hằng năm, Ngày hội việc làm. Buổi tiếp xúc này các

doanh nghiệp sẽ phỏng vấn và tuyển dụng trực tiếp, đây là cơ hội thuận lợi để HS-SV tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp. Có 219/439 HS-SV nhà trường đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 49,89%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 8: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Trong chương trình Lễ bế giảng và phát bằng tốt nghiệp hàng năm, các doanh nghiệp gặp gỡ HS-SV tốt nghiệp ra trường. Tùy theo điều kiện hoạt động mà nhà trường có các hình thức tổ chức hội nghị, hội chợ việc làm cho người học phù hợp theo từng năm. Trường tổ chức cho người học tiếp xúc, gặp gỡ với các nhà tuyển dụng trong hội chợ việc làm hoặc kết hợp trong buổi Lễ Bế giảng phát bằng tốt nghiệp ***(8.9.01-Kế hoạch tổ chức Lễ Bế giảng phát bằng tốt nghiệp, kết hợp tiếp nhận HS-SV giữa nhà trường và doanh nghiệp năm 2017 đến 2020; 8.9.02-Danh sách các nhà tuyển dụng tham dự Lễ Bế giảng phát bằng tốt nghiệp kết hợp tiếp nhận HS-SV giữa nhà trường và doanh nghiệp năm 2017 đến 2020).***

Trong từng năm, Trường có tổ chức từ 03 đến 05 buổi làm việc đột xuất để HS-SV tiếp xúc với các doanh nghiệp theo từng nghề để giới thiệu việc làm; 02 đến 04 lần cho HS-SV năm cuối, HS-SV đã tốt nghiệp tham gia phiên giao dịch việc làm do Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở LĐTBXH tỉnh tổ chức để tạo điều kiện cho các em gặp gỡ, trao đổi, tìm hiểu trực tiếp với các doanh nghiệp về thông tin các thị trường lao động trong ngoài tỉnh, làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài với sự góp sức của tập thể CBNV trung tâm TS,GTVL&QHDN. Có 239/439 HS-SV nhà trường đánh giá tốt về tiêu chuẩn này, đạt 54,44%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 8: *01 điểm*

3.2.9. Tiêu chí 9. Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 9:

Mở đầu

Giám sát và đánh giá là thành phần thiết yếu của một tổ chức, là quá trình mà các dữ liệu được thu thập và phân tích, là sự theo dõi, là một quá trình diễn ra liên tục, được sử dụng để quyết định có cần phải điều chỉnh để đạt được kết quả mong đợi. Trường thực hiện giám sát trên tất cả các mặt hoạt động, từ đó có những đánh giá kịp thời từ các bộ phận nhằm giúp trường có những điều chỉnh, đảm bảo sử dụng nguồn lực hiệu quả để đạt được mục tiêu.

** Những điểm mạnh*

Thực hiện tốt công tác thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động với tinh thần dân chủ cao; thực hiện thu thập ý kiến HS-SV nghiêm túc, khách quan mang lại những thông tin quan trọng, hữu ích giúp bộ phận tham mưu đề xuất nhiều giải pháp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo nhà trường.

Trường luôn chủ động trong quan hệ, gặp gỡ trao đổi với các doanh nghiệp để cung ứng lao động tay nghề cao cho doanh nghiệp; việc giải quyết việc làm cho HS-SV sau khi tốt nghiệp được đảm bảo và thực hiện tốt. Chất lượng đào tạo được khẳng định và được sự tín nhiệm cao của doanh nghiệp và người sử dụng lao động.

** Những tồn tại*

Việc thu thập ý kiến từ người học vẫn còn số ít trường hợp không đánh giá đúng thực trạng mà mang tính chủ quan, cá nhân tạo nên các thông tin nhiễu gây khó khăn trong quá trình xử lý dữ liệu thu thập. Việc thu thập ý kiến các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, trường thực hiện chưa đạt yêu cầu theo từng năm.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Thực hiện tốt đánh giá chất lượng nhà trường; đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo ngành/nghề, trình độ và báo cáo tự đánh giá chất lượng hàng năm theo quy định.

Điểm đánh giá tiêu chí 9

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	***5***
Tiêu chuẩn 1	0
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Việc thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, trường thực hiện bằng hình thức bảng thang đo theo mức độ đồng ý tăng dần từ rất không đồng ý đến rất đồng ý đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn đề ra.

Năm học 2019-2020, trường tiến hành khảo sát 10 doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp nhân dịp các doanh nghiệp về tham dự chương trình Bế giảng, phát bằng tốt nghiệp hàng năm ***(9.1.01-Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động năm 2017 đến 2020; 9.1.02-Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến năm 2017 đến 2020; 9.1.03-Phiếu khảo sát năm 2017 đến 2020)*** và kết quả khảo sát này là cơ sở để nhà trường điều chỉnh những hạn chế tồn tại của trường trong thời gian qua ***(9.1.04-Báo cáo kết quả thu thập ý kiến năm 2017 đến 2020)***.

Kết quả khảo sát cho thấy, người lao động tốt nghiệp đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. Cụ thể, người lao động có ý thức tổ chức kỷ luật tại nơi làm việc và người lao động có khả năng làm việc độc lập với mức độ rất đồng ý đạt cao nhất chiếm 90%; người lao động có thái độ, tác phong phù hợp nhu cầu người sử dụng lao động với mức độ rất đồng ý chiếm 80%; người lao động có có tay nghề phù hợp nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động và khả năng hợp tác trong lao động với mức độ rất đồng ý chiếm 70%. Tuy nhiên, việc thu thập ý kiến các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, trường thực hiện chưa đạt yêu cầu theo từng năm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 9: *0 điểm*

Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch thu thập ý kiến CBNV, giáo viên và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBNV, giáo viên và người lao động. Trong năm 2020, nhà trường đã lập kế hoạch lấy ý kiến phản hồi từ người học, lấy ý kiến CBNV, giáo viên và lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động. Ngoài việc thu thập thông tin nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, đây còn là việc thể hiện tính dân chủ nên được lãnh đạo rất quan tâm ***(9.2.01-Kế hoạch thu thập ý kiến cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động năm 2020).***

Căn cứ kế hoạch, nhà trường tiến hành lựa chọn ngẫu nhiên các giảng viên, giáo viên, CBNV (việc lựa chọn phải bảo đảm bao quát các đơn vị, các thành phần và chiếm tỉ lệ trên 50% tổng số CBNV, giáo viên và người lao động toàn trường) để tiến hành thu thập ý kiến. Sau khi thu thập, Trường đều lưu lại danh sách những giảng viên, giáo viên, CBNV và người lao động được thu thập ý kiến ***(3.4.03-Danh sách trình độ đào tạo, vị trí công tác của giáo viên, CBNV nhà trường năm 2017 đến 2020; 9.2.02-Danh sách các phòng, khoa, trung tâm nhà trường được thu thập ý kiến năm 2017 đến 2020).***

Việc thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được nhà trường thực hiện thông qua phương pháp khảo sát bằng phiếu. Các phiếu khảo sát này được trung tâm KT&KĐCLGDN lưu lại sau khi tiến hành xử lý, phân tích, đánh giá ***(9.2.03-Phiếu khảo sát năm 2017 đến 2020).***

Kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động cho thấy mức độ đồng ý và rất đồng ý về chính sách của nhà trường đối với cán bộ quản lý, giáo viên và người lao động chiếm tỷ lệ cao trong kết quả khảo sát, điều đó chứng minh nhà trường đã thực hiện tốt chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động ***(9.2.04-Báo cáo kết quả khảo sát năm 2017 đến 2020)***.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 9: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Trường luôn xác định lấy ý kiến người học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm phục vụ cho công tác tự đánh giá và đảm bảo chất lượng của trường, từ đó từng bước góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo. Bên cạnh việc duy trì và thực hiện đúng việc lấy ý kiến người học theo các quy định của Bộ LĐTBXH, bộ phận tham mưu nhà trường sẽ nghiên cứu đề xuất các giải pháp để hạn chế đến mức thấp nhất các thông tin nhiễu nhằm phát huy tối đa hiệu quả của công tác này.

Hàng năm, nhà trường đều có Kế hoạch thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành/nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên

quan đến người học của trường. Năm 2020, để thuận lợi trong công tác lấy ý kiến, Trường đã xây dựng kế hoạch tổng hợp lấy ý kiến phản hồi từ người học, lấy ý kiến cán bộ quản lý, viên chức và lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động.

Xác định việc thu thập ý kiến phản hồi từ người học là công tác quan trọng, làm căn cứ cho các đơn vị liên quan đề xuất các giải pháp giúp nhà trường nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo cũng như phục vụ công tác tự đánh giá, đảm bảo chất lượng tại trường nên kế hoạch được xây dựng chi tiết theo từng bước, có sự phân công rõ ràng cho từng đơn vị liên quan với các mốc thời gian cụ thể đảm bảo cho việc lấy ý kiến người học được thực hiện một cách nghiêm túc, chính xác ***(9.3.01-Kế hoạch thu thập ý kiến người học năm 2017 đến 2020).*** Căn cứ vào danh sách trúng tuyển, nhà trường đều có danh sách HS-SV đang theo học tại trường hàng năm và danh sách này luôn được cập nhật theo thời gian ***(2.5.01-Danh sách các lớp, khóa học năm 2017 đến 2020)***.

Căn cứ vào kế hoạch triển khai thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ người học, lấy ý kiến CBNV và lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động cũng như danh sách người học hàng năm, nhà trường đã lên danh sách cụ thể người học được thu thập ý kiến cho từng năm học trên cơ sở khách quan và bao quát toàn diện các ngành, nghề. Ý kiến người học là một trong các cơ sở hết sức quan trọng trong việc đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường nên số lượng HS-SV được thu thập ý kiến luôn chiếm hơn 80% tổng số HS-SV theo học tại trường trong từng năm học ***(9.3.02-Danh sách học viên được thu thập ý kiến năm 2017 đến 2020)***.

Việc lấy ý kiến người học và xử lý phiếu lấy ý kiến được thực hiện nghiêm túc theo đúng tiến độ trong kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm học. Bảng thống kê kết quả thu thập ý kiến người học được thực hiện cẩn thận, chi tiết để sử dụng cho việc điều chỉnh các hoạt động dạy và học tại trường nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo. Kết quả khảo sát năm 2020 cho thấy tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý chiếm tỷ lệ cao trong kết quả khảo sát, điều đó chứng minh nhà trường đã thực hiện tốt chính sách đối với người học ***(9.3.03-Phiếu khảo sát năm 2017 đến 2020; 9.3.04-Bảng kết quả khảo sát năm 2017 đến 2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 9: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

Hàng năm, Trường thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp ***(9.4.01-Kế hoạch thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2017 đến 2020; 9.4.02-Quyết định thành lập Hội đồng tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2017 đến 2020; 9.4.03-Báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2017 đến 2019; 9.4.04-Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020; 9.4.05-Tài liệu công khai báo cáo tự đánh giá)*** và tự đánh giá chất lượng theo quy định của TCGDNN ***(9.4.06-Báo cáo tự đánh giá chất lượng năm học 2019-2020).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 9: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

Tiêu chuẩn 9.4 – Đạt

Trường thực hiện hoạt động tự kiểm định chất lượng theo quy định. Trên cơ sở kết quả tự kiểm định, lãnh đạo trường với sự tham mưu của trung tâm KT&KĐCLGDN đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao các mặt hoạt động của nhà trường ***(9.5.01-Văn bản đề nghị bổ sung, khắc phục hạn chế).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 9: *01 điểm*

Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức giới thiệu việc làm cho HS-SV sau khi tốt nghiệp ra trường thông qua Lễ Bế giảng và Ngày hội việc làm với sự góp mặt của các doanh nghiệp thường xuyên gắn kết và đặt hàng với nhà trường. HS-SV được tiếp xúc trực tiếp với các nhà tuyển dụng, được ưu tiên giới thiệu việc làm tại các doanh nghiệp đúng với chuyên ngành đào tạo đã đảm bảo tốt việc làm cho HS-SV sau khi tốt nghiệp ra trường.

HS-SV của trường sau tốt nghiệp ***(9.6.01-Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách HS-SV tốt nghiệp năm 2017 đến 2020)*** hầu hết đều có việc làm và phần nhiều phù hợp với chuyên ngành/nghề được đào tạo, tỷ lệ HS-SV tốt nghiệp có việc làm sau 6 tháng đạt trên 70% ***(9.6.02-Báo cáo kết quả điều tra lần vết)***. Trường thực hiện phương án điều tra lần vết để thu thập thông tin bằng hình thức điện thoại trực tiếp, gửi thông tin phản hồi qua mail và thông qua các ứng dụng của trang mạng xã hội ***(9.6.03-Danh sách điện thoại điều tra lần vết).***

Ngoài ra, HS-SV trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp, được doanh nghiệp tiếp nhận và làm việc, tạo điều kiện cho các em rèn luyện tay nghề và nhận vào làm ngay khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 9: *01 điểm*

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Cần định rõ chức năng, trách nhiệm các phòng, khoa, trung tâm phù hợp hơn với nhiệm vụ chuyên môn được giao. Thực hiện xây dựng quy định về công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động chung toàn trường để các phòng, khoa, trung tâm cùng thực hiện. Thực hiện xây dựng sổ tay bảo đảm chất lượng và thiết lập hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng đưa vào thực hiện.

2. Thúc đẩy các khoa sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng vào trong giảng dạy, tối thiểu 80% các ngành/nghề thuộc khoa có 50% mô đun/môn học sử dụng các thiết bị này để đạt theo yêu cầu.

3. Trường xây dựng kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch về việc giảng viên, giáo viên được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất, nắm bắt thêm kinh nghiệm vận dụng vào quá trình giảng dạy.

4. Nghiên cứu, tham khảo thêm chương trình đào tạo nước ngoài, tiếp thu khoa học công nghệ mới đóng góp vào chương trình đào tạo để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường. Thực hiện thẩm định giáo trình cấp trường, đảm bảo 05 bản in cho mỗi loại giáo trình theo yêu cầu của thư viện.

5. Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học cấp HS-SV, hoạt động hợp tác quốc tế để hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế ngày càng nâng tầm và đạt chất lượng.

6. Thực hiện thanh quyết toán kịp thời và đúng quy định để đảm bảo nguồn kinh phí hoạt động của nhà trường.

7. Tăng cường liên lạc, kết hợp chặt chẽ cùng chủ nhà trọ để nắm bắt kịp thời tình hình HS-SV ở trọ.

8. Thực hiện tốt đánh giá chất lượng nhà trường; đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo ngành/nghề, trình độ và báo cáo tự đánh giá chất lượng hàng năm theo quy định.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Thư viện điện tử, phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học không còn phù hợp vì đa số giáo viên và người học đều sử dụng máy tính bảng, điện thoại để tra cứu trực tuyến, hiếm khi đến thư viện tra cứu nên việc đầu tư thư viện điện tử, phòng máy tính đã phần nào ít nhiều gây nên sự lãng phí, đề nghị xem xét và điều chỉnh tiêu chí này cho phù hợp với thực tế hiện nay.

2. Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường: Tiêu chuẩn này có minh chứng ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý. Tuy nhiên, nhà trường nhận thấy, tiêu chuẩn này nên chỉ lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý. Riêng đối với người học, họ không quan tâm đến các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động có đúng điều lệ của tổ chức và theo quy định của pháp luật.

Bến Tre, ngày 13 tháng 12 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

(ký tên và đóng dấu)

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐỒNG KHỞI

Thạc sĩ Ngô Kim Phượng